

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ HIỆP PHƯỚC

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – THÁNG 3/2019

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Nguyễn Thị Hoàng Dung	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	
2	Cao Huy Bằng	Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng	
3	Huỳnh Thị Lệ Trinh	Thư ký Hội đồng	Ủy viên Hội đồng	
4	Vũ Ngọc Tuyền	Chủ tịch Công đoàn	Ủy viên hội đồng	
5	Hồ Thị Điệp	Tổ trưởng tổ Văn	Ủy viên hội đồng	
6	Nguyễn Thị Minh Duyên	Tổ trưởng tổ Sinh – Lý - Hóa	Ủy viên hội đồng	
7	Lê Hồ Lệ Hằng	Tổ trưởng tổ Sử - Địa -GDCD	Ủy viên hội đồng	
8	Lâm Quang Trí	Tổ trưởng tổ Anh văn	Ủy viên hội đồng	
9	Đặng Thị Thanh Lan	Tổ trưởng tổ Toán - Tin	Ủy viên hội đồng	
10	Trương Quang Tài	Tổ trưởng tổ Kỹ thuật –Thẻ đục–Âm Nhạc – Mỹ thuật	Ủy viên hội đồng	
11	Nguyễn Thị Phương	Tổ trưởng tổ Văn phòng	Ủy viên hội đồng	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	2
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	5
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	7
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	14
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	12
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	16
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3	16
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	16
Mở đầu	16
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	18
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác	18
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	20
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	23
Tiêu chí 1.5: Lớp học	25
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	27
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	29
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	31
Tiêu chí: 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	32
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	34
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	36
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh	37
Mở đầu	37
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	37
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	40

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	44
Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh	47
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	49
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	49
Mở đầu	49
Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập	50
Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	51
Tiêu chí 3.3: Khối hành chính – quản trị	53
Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	54
Tiêu chí 3.5: Thiết bị	56
Tiêu chí 3.6: Thư viện	58
<i>Kết luận về tiêu chuẩn 3</i>	60
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	60
Mở đầu	60
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh	61
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường	64
<i>Kết luận về tiêu chuẩn 4</i>	66
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục	66
Mở đầu	66
Tiêu chí 5.1 : Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông	67
Tiêu chí: 5.2 Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.	69
Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định	72
Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp	73
Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh	76
Tiêu chí: 5.6: Kết quả giáo dục	79
<i>Kết luận về tiêu chuẩn 5</i>	82
II. KẾT LUẬN CHUNG	84

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

1.1. Đánh giá theo từng tiêu chí từ Mức 1 đến Mức 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1			x	
Tiêu chí 1.1		x	x	x
Tiêu chí 1.2		x	x	x
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	x	
Tiêu chí 1.6		x	x	
Tiêu chí 1.7		x	x	x
Tiêu chí 1.8		x	x	x
Tiêu chí 1.9		x	x	x
Tiêu chí 1.10		x	x	x
Tiêu chuẩn 2			x	
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	
Tiêu chí 2.3		x	x	
Tiêu chí 2.4		x	x	x
Tiêu chuẩn 3			x	
Tiêu chí 3.1		x	x	x
Tiêu chí 3.2		x	x	
Tiêu chí 3.3		x	x	x
Tiêu chí 3.4		x	x	
Tiêu chí 3.5		x	x	

Tiêu chí 3.6		x	x	
Tiêu chuẩn 4				x
Tiêu chí 4.1		x	x	x
Tiêu chí 4.2		x	x	x
Tiêu chuẩn 5			x	
Tiêu chí 5.1		x	x	x
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	x
Tiêu chí 5.4		x	x	x
Tiêu chí 5.5		x	x	
Tiêu chí 5.6		x	x	x

Kết quả: Đạt Mức 2.

1.2. Đánh giá theo Mức 4

Kết quả: Không đạt.

2. Kết luận: Trường đạt Mức 2

Phần I

CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường (theo quyết định mới nhất): Trung học cơ sở Hiệp Phước

Tên trước đây (nếu có): Trung học cơ sở Hiệp Phước 3

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Thành phố Hồ Chí Minh	Họ và tên hiệu trưởng	Nguyễn Thị Hoàng Dung
Huyện/quận/thị xã/thành phố	Huyện Nhà Bè	Điện thoại	37818042
Xã/phường/thị trấn	Xã Hiệp Phước	FAX	Không
Đạt chuẩn quốc gia	Không	Website	www.thcsbiepphuoc.hcm.edu.vn
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	1998	Số điểm trường	01
Công lập	x	Loại hình khác	Không
Tư thực	Không	Thuộc vùng khó khăn	Không
Trường chuyên biệt	Không	Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	Không
Trường liên kết với nước ngoài	Không		

1. Số lớp học

Số lớp học	Năm học 2013-2014	Năm học 2014-2015	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018
Khối lớp 6	05	07	07	06	07
Khối lớp 7	06	05	06	07	06
Khối lớp 8	05	06	05	06	06
Khối lớp 9	04	04	06	05	07
Cộng	20	22	24	24	26

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2013-2014	Năm học 2014-2015	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Ghi chú
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	35	35	35	35	35	
1	Phòng học	27	27	27	27	27	
a	Phòng học kiên cố	27	27	27	27	27	
b	Phòng học bán kiên cố	00	00	00	00	00	
c	Phòng tạm	00	00	00	00	0	
2	Phòng học bộ môn	08	08	08	08	08	
a	Phòng kiên cố	08	08	08	08	08	
b	Phòng bán	00	00	00	00	00	

	kiên cố						
c	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
II	Khối phòng hành chính-quản trị	13	13	13	13	13	
a	Phòng kiên cố	13	13	13	13	13	
b	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
c	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
III	Thư viện	01	01	01	01	01	
IV	Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có)	03	03	03	03	03	
	Cộng	52	52	52	52	52	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá:

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01	01	Kinh: 01			01	

Phó hiệu trưởng	01		Kinh: 01			01	
Giáo viên	50	40	Kinh: 50 Tày: 01		8	42	
Nhân viên	05	04	Kinh: 05		04	01	
	57	45	Kinh: 56 Tày: 01		12	45	

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

TT	Số liệu	Năm học 2013-2014	Năm học 2014-2015	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018
1	Tổng số giáo viên	37	42	43	44	46
2	Tỷ lệ giáo viên/lớp	1,9	1,9	1,8	1,8	1,8
3	Tỷ lệ giáo viên/học sinh	0,05	0,05	0,05	0,05	0,04
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	06	11	11	06	07
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	01	00	00	00	00

4. Học sinh

a) Số liệu chung

TT	Số liệu	Năm học	Năm học	Năm học	Năm học	Năm học	Ghi chú
----	---------	---------	---------	---------	---------	---------	---------

		2013- 2014	2014- 2015	2015- 2016	2016- 2017	2017- 2018	
1	Tổng số học sinh	735	852	943	967	1066	
	- Nữ	365	401	453	449	487	
	- Dân tộc thiểu số	00	01	02	02	02	
	- Khối lớp 6	197	266	267	243	287	
	- Khối lớp 7	209	195	269	264	245	
	- Khối lớp 8	181	216	194	268	268	
	- Khối lớp 9	148	175	213	192	266	
2	Tổng số tuyển mới	197 (Nữ: 103)	266 (Nữ: 115)	267 (Nữ: 126)	243 (Nữ: 106)	287 (Nữ: 138)	
3	Học 2 buổi/ngày	735	852	943	967	1066	
4	Bán trú	00	00	00	00	00	
5	Nội trú	00	00	00	00	00	
6	Bình quân số học sinh/lớp học	36,8	38,7	39,3	40,3	41	
7	Số lượng và tỉ lệ % đi học đúng độ tuổi	735 (100%)	852 (100%)	943 (100%)	967 (100%)	1066 (100%)	
	- Nữ	365	401	453	449	487	

		(100%)	(100%)	(100%)	(1000%)	(100%)	
	- Dân tộc thiểu số	00 (0%)	01 (0.1%)	02 (0.2%)	02 (0.2%)	02 (0.2%)	
8	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh (nếu có)	21/6	21/4	21/4	17/2	28/6	
9	Tổng số học sinh giỏi quốc gia (nếu có)	00	00	00	00	00	
10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách	125	171	183	239	247	
	- Nữ	61	80	88	107	117	
	- Dân tộc	00	00	00	00	00	
11	Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt	05	04	09	15	19	

b) Kết quả giáo dục (đối với Trường Trung học cơ sở, Trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học)

Số liệu	Năm học 2013-2014	Năm học 2014-2015	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Ghi chú
Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi	205 (28,3%)	200 (23,8%)	298 (32,0%)	386 (41,0%)	473 (45,0%)	
Tỷ lệ học sinh xếp loại khá	338 (46,7%)	395 (47%)	440 (47,2%)	414 (44,0%)	450 (42,9%)	
Tỷ lệ học sinh xếp loại trung bình	174 (24,0%)	240 (28,5%)	193 (20,7%)	138 (14,6%)	126 (12,0%)	
Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém	07 (1,0%)	06 (0,7%)	01 (0,1%)	04 (0,4%)	01 (0,1%)	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt	630 (87%)	723 (86%)	840 (90,1%)	884 (93,8%)	922 (87,8%)	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá	84 (11,6%)	111 (13,2%)	90 (9,7%)	57 (6,1%)	101 (9,6%)	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình	10 (1,4%)	07 (0,8%)	02 (0,2%)	01 (0,1%)	27 (2,6%)	

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đề nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường, đáp ứng yêu cầu phát triển ngày càng cao của xã hội, giải pháp mang tính lâu dài là xây dựng văn hóa chất lượng giáo dục trong nhà trường. Căn cứ Thông tư số 18/2018/TT - BGDDT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp, Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước đã tiến hành tự đánh giá chất lượng theo các tiêu chuẩn của cấp trung học cơ sở. Quá trình tự đánh giá giúp nhà trường tự xem xét, đánh giá thực trạng giáo dục của nhà trường, chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí trong các tiêu chuẩn. Ngoài ra, tự đánh giá là động lực làm thay đổi nếp nghĩ và cách làm việc của chính tất cả cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường. Từ đó, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và đưa ra các biện pháp thực hiện nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên, đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh, huy động nguồn lực để phát triển tốt nhà trường, hoàn thiện cơ sở vật chất, thiết bị; xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục phù hợp với xu thế phát triển chung của huyện, thành phố. Đồng thời thực hiện tốt sứ mệnh tạo dựng được môi trường học tập, rèn luyện có dân chủ, kỉ cương, tình thương, trách nhiệm để mỗi học sinh có cơ hội bình đẳng trong học tập và phát triển những năng lực sẵn có của từng cá nhân, làm cho mọi học sinh đều thấy rằng: “Mỗi ngày đến trường là một ngày vui”.

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường được thành lập từ năm 1998 theo Quyết định số 02/1998/QĐ.UB.TC ngày 12 tháng 02 năm 1998 của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè về việc thành lập Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước 3. Từ năm 2004 cho đến nay trường được đổi tên thành Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước theo quyết định số 434/QĐ-UB.TC ngày 20 tháng 10 năm 2004. Cơ sở được đặt tại số 1154 đường Nguyễn Văn Tạo, ấp 3 xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong những năm gần đây, nhà trường đã khẳng định được uy tín, chất lượng giáo dục. Nhà trường đã xây dựng được đội ngũ giáo viên có năng lực về chuyên môn,

ng nghiệp vụ. Đội ngũ cán bộ, giáo viên và nhân viên có phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống tốt, tâm huyết với nghề dạy học, hết lòng vì sự nghiệp giáo dục thế hệ trẻ, có năng lực chuyên môn khá vững vàng, năng nổ nhiệt tình trong công việc, có tinh thần trách nhiệm cao, có bề dày kinh nghiệm và tinh thần đoàn kết cao. Năm học 2017-2018, trường có 51 giáo viên trực tiếp giảng dạy, 100% có trình độ đạt chuẩn, trong đó có 51 giáo viên có trình độ đại học.

Chi bộ trường trực thuộc Đảng bộ xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè gồm 17 Đảng viên. Nhiều năm liền đạt trong sạch vững mạnh.

Các tổ chức: Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh, Ban đại diện cha mẹ học sinh đều hoạt động tích cực, góp phần cùng nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nhà Bè cũng đã tạo mọi điều kiện để hầu hết giáo viên bộ môn tham gia tập huấn nâng cao nghiệp vụ chuyên môn.

Cán bộ quản lý nhà trường sẵn sàng đầu tư, đáp ứng yêu cầu vật chất trong khả năng cho phép để các tổ chuyên môn hoạt động tốt.

Các đợt tự bồi dưỡng thường xuyên, học nâng chuẩn, sinh hoạt chuyên môn, thao giảng, dự giờ góp phần nâng cao về trình độ văn hoá và chuyên môn cho giáo viên.

Cha mẹ của học sinh ý thức hơn đến việc học của con em mình, đã có những tác động tích cực đến việc học của học sinh yếu, giúp các em có nhiều tiến bộ vượt bậc trong học tập.

Chính quyền địa phương, Ban đại diện cha mẹ học sinh luôn quan tâm sâu sát, kịp thời hỗ trợ nhà trường tháo gỡ những khó khăn.

Vì vậy, năm học 2013-2014 đến nay, trường đều có giáo viên tham gia hội thi giáo viên dạy giỏi cấp huyện và đạt được thành tích. Cụ thể trong năm học năm học 2017-2018, trường có nhiều giáo viên đạt giải giáo viên giỏi cấp huyện. Tỷ lệ học sinh giỏi cấp huyện, thành phố ổn định; tỷ lệ đạt tốt nghiệp Trung học cơ sở luôn đạt 100%; tỷ lệ học sinh xếp loại học lực khá - giỏi cuối năm học đạt hơn 80%, hạnh kiểm khá - tốt đạt từ 95% trở lên.

2. Mục đích tự đánh giá

Mục đích của tự đánh giá là nhà trường tự xem xét, tự kiểm tra, xác định được hiện trạng, các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí, xây dựng kế hoạch cải tiến chất

lượng và các biện pháp thực hiện để đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Tự đánh giá là một bước quan trọng trong quá trình kiểm định chất lượng giáo dục.

Bản báo cáo tự đánh giá này là một văn bản quan trọng để nhà trường cam kết thực hiện các hoạt động cải tiến và nâng cao chất lượng giáo dục cho từng tiêu chí mà kế hoạch đã đề ra.

3. Quá trình tự đánh giá và những vấn đề nổi bật trong báo cáo tự đánh giá

Tự đánh giá của Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước được thực hiện đúng quy trình mà Bộ Giáo dục và Đào tạo đã hướng dẫn theo 7 bước:

1. Thành lập hội đồng tự đánh giá.
2. Lập kế hoạch tự đánh giá.
3. Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng.
4. Đánh giá các mức đạt được theo từng tiêu chí
5. Viết báo cáo tự đánh giá.
6. Công bố báo cáo tự đánh giá.
7. Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá

Thời gian thực hiện: Từ ngày 21/01/2019-01/3/2019

Phạm vi, phương pháp và công cụ đánh giá cơ sở trường bao quát toàn bộ các hoạt động của nhà trường theo 28 tiêu chí và 06 khoản của điều 22 được quy định tại Thông tư số 18/2018/TT - BGDDT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Từ đó mô tả hiện trạng, điểm mạnh, điểm yếu, kế hoạch cải tiến chất lượng và tự đánh giá theo từng tiêu chí của các tiêu chuẩn.

Tất cả các bước trên đều được thực hiện đúng hướng dẫn và đảm bảo tính dân chủ, công khai, khoa học, khách quan nhưng cần trọng. Trong suốt thời gian tiến hành công tác tự đánh giá, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đã huy động toàn thể đội ngũ cán bộ giáo viên công nhân viên và Ban đại diện cha mẹ học sinh cùng tham gia.

Để báo cáo tự đánh giá đảm bảo tính chính xác, trung thực, khách quan, hội đồng tự đánh giá đã tiến hành đánh giá bằng nhiều phương pháp khác nhau, trong đó chủ yếu là bằng phương pháp khảo sát thực tế tất cả các mặt hoạt động của nhà trường liên

quan đến nội dung bộ tiêu chí: thu thập minh chứng, so sánh, đối chiếu và phân tích các dữ liệu có liên quan của nhà trường để viết báo cáo tự đánh giá. Công việc dự kiến các thông tin minh chứng cần thu thập cho từng tiêu chí được Hội đồng xác định và phân công một cách cụ thể, khoa học. Để chủ động về thời gian hoàn thành báo cáo, nhà trường đã lập thời gian biểu để hoàn thành quá trình tự đánh giá. Nhờ đó mà tiến độ làm việc được đảm bảo, chất lượng cũng tương đối hiệu quả. Sau khi hoàn thành các phiếu đánh giá tiêu chí, Hội đồng tự đánh giá đã tiến hành viết báo cáo.

Nhà trường đã cơ bản thành công trong công tác tự đánh giá. Đó là sự tập trung trí tuệ cao của cả tập thể. Đây là sự kiện đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong sự nghiệp phát triển giáo dục của nhà trường, của địa phương, là nền tảng vững chắc để nhà trường đăng ký kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục trong năm học 2018-2019.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ MỨC 1, MỨC 2 VÀ MỨC 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước, huyện Nhà Bè đảm bảo đủ về số lượng nhân sự và đồng bộ về chất lượng. Nhà trường đã xây dựng chiến lược phát triển nhà trường.

Nhà trường đảm bảo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đồng thời đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học; thực hiện tốt công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản.

Thủ tục thành lập, cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn và hoạt động của hội đồng trường theo quy định.

Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng hoàn thành các nhiệm vụ được phân công. Hiệu trưởng có các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch giảng dạy, học tập các môn học và các hoạt động giáo dục khác theo quy định.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp mục tiêu giáo dục của cấp học được quy định tại Luật Giáo dục với các nguồn lực của nhà trường và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và được cấp quản lý trực tiếp phê duyệt;

c) Được công bố công khai dưới hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường hoặc đăng tải trên website của Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có giải pháp giám sát việc thực hiện chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Căn cứ vào tình hình thực tế của nhà trường và địa phương, của từng năm học, tháng 12 năm 2012 nhà trường đã hoàn thành “Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước, huyện Nhà Bè giai đoạn 2012-2017”. Tháng 12 năm 2018 nhà trường tiếp tục xây dựng và hoàn thành “Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước, huyện Nhà Bè giai đoạn 2018 - 2023” với sự tham gia đóng góp ý kiến của toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh nhà trường [H1-1.1-01]; [H4-1.1-02].

Các mục tiêu trong chiến lược phát triển phù hợp với mục tiêu giáo dục phổ thông cấp trung học cơ sở và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường có các thông tin, chỉ số phù hợp với định hướng trong Nghị quyết Đảng bộ [H4-1.1-03].

Nội dung chiến lược phát triển nhà trường phù hợp với các nguồn lực về nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất. Chiến lược phát triển của nhà trường giúp học sinh phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản khác, hình thành nhân cách con người Việt Nam trong thời kì mới; học sinh có học vấn phổ thông ở trình độ cơ sở và những hiểu biết ban đầu về kỹ thuật và hướng nghiệp để tiếp tục học trung học phổ thông, học trung học chuyên nghiệp, học nghề [H1-1.1-04].

b) Nhà trường có xây dựng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường, được xác định rõ ràng bằng văn bản, được cấp quản lý trực tiếp phê duyệt [H1-1.1-01].

c) Nhà trường thông báo công khai chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường dưới hình thức niêm yết tại các bản tin tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và đã đăng trên website của trường www.thcshiepphuoc.hcm.edu.vn. Tuy nhiên chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường chưa được nhiều cha mẹ học sinh quan tâm, ít truy cập vào trang web của trường [H4-1.1-05].

Mức 2:

Hàng năm, nhà trường đều phân công các bộ phận kiểm tra, giám sát việc thực hiện chiến lược xây dựng và phát triển theo kế hoạch chung. Định kỳ đều có biên bản tự kiểm tra và báo cáo cho Hội đồng trường để bổ sung và điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế ở những năm sau [H4-1.1-06]; [H4-1.1-07]; [H4-1.1-08].

Mức 3:

Từng năm học, nhà trường đều tổ chức rà soát, đối chiếu với các chỉ tiêu trong chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường có phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn. Từ đó, có các biên bản bổ sung, điều chỉnh những nội dung và có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, các bộ phận đoàn thể [H1-1.1-09]; [H1-1.1-10].

2. Điểm mạnh

Chiến lược phát triển của nhà trường được xây dựng sát với thực tế, phù hợp với mục tiêu giáo dục của cấp học và phù hợp định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè cũng như các nguồn lực mà nhà trường hiện có.

Kế hoạch chiến lược đã được phê duyệt, thông báo công khai và lưu trữ đầy đủ.

3. Điểm yếu

Chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường chưa được nhiều cha mẹ học sinh quan tâm, ít truy cập vào trang web của trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng tiếp tục tuyên truyền, chỉ đạo thực hiện tốt các mục tiêu trong chiến lược phát triển nhà trường trong những năm tiếp theo; Giáo viên chủ nhiệm các lớp phổ biến chiến lược phát triển của nhà trường đến cha mẹ học sinh trong các phiên họp định kỳ hằng năm; Giáo viên phụ trách công nghệ thông tin tiếp tục đăng tải nội dung phương hướng chiến lược lên Website của trường để thông tin rộng rãi đến cha mẹ của học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các Hội đồng khác.

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Hội đồng trường

Hội đồng trường được thành lập theo Quyết định số 792/QĐ-GDDT ngày 25 tháng 10 năm 2013 thay thế cho Quyết định số 178/QĐ-GDDT ngày 12 tháng 03 năm 2012 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nhà Bè theo Quy chế hoạt động của Hội đồng trường và hoạt động theo đúng quy định Điều lệ trường trung học [H1-1.2-01].

Các hội đồng khác:

Hàng năm, trường thành lập Hội đồng thi đua khen thưởng bao gồm có các thành viên trong Hội đồng trường như hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, thư ký, các tổ trưởng chuyên môn, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Chi đoàn, Tổng phụ trách Đội. Hội đồng thực hiện việc tổ chức xét duyệt thi đua vào cuối mỗi năm, đồng thời đề nghị tuyên dương khen thưởng những cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh hoàn thành tốt nhiệm vụ [H4-1.2-02].

Ngoài ra, nhà trường còn có Hội đồng tư vấn khác như: Hội đồng tuyển sinh có nhiệm vụ tham gia hỗ trợ và kiểm tra hồ sơ học sinh đầu cấp tuyển vào trường [H4-1.2-03].

Hội đồng xét tốt nghiệp trung học cơ sở có nhiệm vụ xét và đề nghị công nhận hoàn thành tốt nghiệp bậc trung học cơ sở cho học sinh lớp 9 [H4-1.2-04].

Trong đánh giá tay nghề giáo viên và năng lực của công nhân viên chức, trường cũng thành lập Hội đồng giám khảo Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp trường và Hội đồng thẩm định sáng kiến kinh nghiệm nhằm đẩy mạnh kết quả hoạt động của từng cá nhân, phát huy hiệu quả đạt được, đồng thời rút kinh nghiệm cho các hạn chế. Hàng năm, học sinh có vi phạm kỷ luật nhà trường nhưng chưa đến mức thành lập hội đồng kỷ luật. Hiệu trưởng phối hợp với giáo viên chủ nhiệm và phụ huynh học sinh trao đổi, theo dõi quan tâm giáo dục để các em có hành vi đạo đức tốt hơn [H5-1.2-05]; [H4-1.2-06].

b) Hội đồng trường thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo Quy định Điều 20 của Thông tư số 12/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 3 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học nhiệm kỳ 5 năm kể từ ngày ký [H1-1.1-09]; [H1-1.1-10].

Hội đồng thi đua, khen thưởng, Hội đồng kỷ luật, Hội đồng tư vấn thực hiện theo điều 21 Điều lệ trường trung học [H1-1.1-09]; [H1-1.1-10]; [H5-1.2-07]; [H4-1.2-08]; [H4-1.2-09].

c) Định kỳ các hội đồng đều có rà soát, đánh giá để rút kinh nghiệm qua các phong trào thi đua. Từ đó, có các giải pháp điều chỉnh, bổ sung để thực hiện có hiệu quả. Tuy nhiên hoạt động rà soát, đánh giá của Hội đồng thi đua đôi khi còn chậm so với tiến độ [H5-1.2-10].

Mức 2:

Hoạt động của Hội đồng trường và các hội đồng khác ở các mặt luôn có hiệu quả, thông qua các phong trào thi đua, các hoạt động giảng dạy và giáo dục học sinh, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H5-1.2-10]; [H1-1.1-09].

2. Điểm mạnh

Hội đồng trường và các hội đồng khác được thành lập và thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định.

Hoạt động phong trào thi đua, các hoạt động giảng dạy luôn được đổi mới. Việc giáo dục học sinh luôn được quan tâm nên chất lượng giáo dục của nhà trường ngày được nâng cao.

3. Điểm yếu

Hoạt động rà soát, đánh giá của Hội đồng thi đua đôi khi còn chậm so với tiến độ.

Một số phụ huynh chưa phối hợp chặt chẽ với giáo viên trong việc giáo dục học sinh dẫn đến việc vẫn còn học sinh vi phạm nội quy của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng tiếp tục duy trì đầy đủ Hội đồng trường, Hội đồng khác nhằm phát huy vai trò lãnh đạo, tư vấn và phối hợp của các hội đồng này trong nhà trường; Hội đồng thi đua cần phải thực hiện việc rà soát, đánh giá từng học kỳ để có hướng điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có Chi bộ trường học gồm 17 đảng viên, Công đoàn cơ sở gồm 43 công đoàn viên, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có 8 đoàn viên là giáo viên, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh gồm tất cả học sinh nhà trường chia làm 27 Chi đội. Hội khuyến học gồm có 43 thành viên [H5-1.3-01]; [H5-1.3-02].

b) Các tổ chức hoạt động theo đúng quy định, Điều lệ trường trung học, có Nghị quyết, Biên bản, Quy chế làm việc. Các tổ chức hoạt động theo quy định của Điều lệ trường trung học và quy định của pháp luật, góp phần cùng với nhà trường đẩy mạnh các hoạt động và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh luôn được cấp trên đánh giá cao.

Chi bộ, Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, các tổ chức xã hội khác và các hội đồng đã lãnh đạo, tư vấn cho hiệu trưởng thực hiện nhiệm vụ thuộc trách nhiệm và quyền hạn của mình về các mục tiêu, phương hướng và kế hoạch phát triển, các vấn đề về tổ chức, nhân sự, tài chính và tài sản; đồng thời thực hiện giám sát các hoạt động của nhà trường theo Nghị quyết của Chi bộ, Nghị quyết của Công đoàn Nghị quyết Chi đoàn, Nghị quyết Liên đội... [H5-1.3-03]; [H5-1.3-04]; [H5-1.3-02]; [H5-1.3-05].

c) Hằng tháng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh đều có sinh hoạt định kỳ, cuối kỳ sơ kết và cuối nhiệm

kỳ tổng kết rà soát đánh giá rút kinh nghiệm, đồng thời bổ sung kế hoạch hoạt động thời gian tới; tư vấn cho Hiệu trưởng thực hiện nhiệm vụ đảm bảo nghị quyết, kế hoạch đề ra [H5-1.3-05]; [H5-1.3-02]; [H5-1.3-04].

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, chi bộ có 03 năm đạt Trong sạch vững mạnh, 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ. Trong năm 2017, kết quả xếp loại của chi bộ chỉ đạt hoàn thành nhiệm vụ vì có 01 đảng viên sinh con thứ 3 [H5-1.3-06]; [H5-1.3-07]; [H5-1.3-08]; [H5-1.3-09]; [H5-1.3-05]; [H5-1.3-02]; [H5-1.3-04].

b) Hằng năm, dưới sự chỉ đạo của cấp ủy và lãnh đạo nhà trường, tổ chức Đoàn, Đội và các tổ chức khác phối hợp với nhau nhằm giáo dục, rèn luyện học sinh không chỉ học tập thật tốt mà còn phải rèn luyện sức khỏe, giáo dục về ý thức giữ gìn vệ sinh cho các em luôn được tổ chức Đoàn, Đội thường xuyên quan tâm cùng với nhà trường thông qua những buổi sinh hoạt chuyên đề, tuyên truyền về cách phòng, chống các căn bệnh thường gặp ở lứa tuổi học sinh [H5-1.3-10].

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp từ năm 2013 đến nay, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam của chi bộ Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước đã đạt 03 năm Trong sạch vững mạnh, 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, 01 năm hoàn thành nhiệm vụ [H5-1.3-09].

b) Các tổ chức đoàn thể và các tổ chức khác có đóng góp hiệu quả, thường xuyên phối hợp tổ chức các cho giáo viên và học sinh trong các hoạt động trong nhà trường và địa phương nên đạt được Công đoàn vững mạnh; Chi đoàn vững mạnh, Liên đội xuất sắc [H1-1.3-11]; [H1-1.1-10]; [H5-1.3-05]; [H5-1.3-02]; [H5-1.3-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ các tổ chức chính trị, xã hội, các đoàn thể theo Điều lệ trường trung học. Các tổ chức làm việc có kế hoạch, tổ chức các hoạt động, phong trào thi đua sôi nổi và hiệu quả, tạo được môi trường sư phạm thân thiện và an toàn, đã tổ chức hoạt động theo đúng quy định; thể hiện tốt vai trò lãnh đạo, tư vấn cho hiệu trưởng thực hiện nhiệm vụ thuộc trách nhiệm và quyền hạn của mình.

3. Điểm yếu

Kết quả xếp loại chi bộ năm 2017 chỉ đạt hoàn thành nhiệm vụ vì có 01 đảng viên sinh con thứ ba.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Chi bộ và hiệu trưởng tiếp tục duy trì đầy đủ các tổ chức chính trị, xã hội, đoàn thể và các hội đồng tư vấn để phát huy hơn nữa vai trò lãnh đạo, phối hợp, tư vấn của các tổ chức trong nhà trường.

Năm 2019, Bí thư chi bộ phải nâng cao hơn nữa chất lượng các kì sinh hoạt, đặc biệt là việc rà soát, đánh giá các hoạt động sau mỗi học kỳ của các tổ chức: Công đoàn, Đoàn thanh niên...

Bí thư chi bộ tuyên truyền trong phiên họp chi bộ, hiệu trưởng tuyên truyền trong họp hội đồng sư phạm về Luật dân số để nâng cao nhận thức trong đội ngũ đảng viên, giáo viên và nhân viên.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có Hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

- a) Hằng năm tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất một chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;
- b) Hoạt động tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

- a) Hoạt động tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp trong việc nâng cao chất lượng hoạt động của nhà trường;
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Đến thời điểm tự đánh giá nhà trường có đủ 01 hiệu trưởng và 01 phó hiệu trưởng do Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè bổ nhiệm [H1-1.4-01].

b) Nhà trường có 6 tổ chuyên môn bao gồm tổ Ngữ Văn; tổ Sử-Địa-Giáo dục công dân; tổ Tiếng Anh; tổ Toán-Tin học; tổ Lý-Hóa-Sinh; tổ Kỹ thuật-Thể dục-Mĩ thuật-Âm nhạc. Cơ cấu tổ chức tổ chuyên môn được thành lập theo quy định tại Điều 16 Điều lệ trường trung học.

Có 01 tổ văn phòng được thành lập theo quy định tại Điều 17 Điều lệ trường trung học [H4-1.4-02].

c) Vào đầu mỗi năm học, các tổ trưởng chuyên môn căn cứ vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của nhà trường để xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ về thực hiện chương trình, kế hoạch dạy học và các hoạt động khác theo năm học, tháng. Các tổ chuyên môn trong nhà trường bám sát sự chỉ đạo của cấp trên và kế hoạch của nhà trường để thực hiện nhiệm vụ theo Điều lệ trường trung học [H2-1.4-03]; [H2-1.4-04].

Tổ văn phòng đã xây dựng kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ theo sự phân công của hiệu trưởng: Văn thư bảo quản an toàn-khoa học, phối hợp cùng giáo viên kiểm tra các loại hồ sơ theo quy định. Kế toán tài vụ quản lý tài chính, cập nhật thu chi đúng quy định. Nhân viên thiết bị-vi tính, thư viện lập kế hoạch dự trù mua sắm, bổ sung thay thế những vật dụng hư hỏng hoặc tự làm thêm đồ dùng dạy học, giới thiệu sách, đồ dùng dạy học mới đến với giáo viên; quản lý, bảo trì thường xuyên tài sản do mình phụ trách. Nhân viên bảo vệ và phục vụ đảm bảo an toàn, an ninh, trật tự, phòng chống cháy nổ, bảo vệ tài sản, vệ sinh môi trường. Y tế chăm sóc sức khỏe cán bộ, giáo viên, học sinh, giáo dục thể chất; y tế trường học, kiểm tra vệ sinh môi trường, lập kế hoạch mua sắm thuốc y tế, quản lý hồ sơ y tế học đường [H6-1.4-05]; [H3-1.4-06].

Mức 2:

a) Từng học kì, các tổ chuyên môn đều phân công thành viên thực hiện ít nhất một chuyên đề. Đối với tổ ghép có thể hai hoặc ba chuyên đề nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy bộ môn [H2-1.4-07].

Hàng tháng, hàng tuần các hoạt động của tổ chuyên môn được phó hiệu trưởng nhà trường rà soát, kiểm tra, đánh giá điều chỉnh thông qua sổ kế hoạch và sổ họp tổ bộ môn [H2-1.4-04].

Mức 3:

Tổ chuyên môn và Tổ văn phòng thực hiện các hoạt động chuyên môn và chịu trách nhiệm về chất lượng, hiệu quả giáo dục; vận dụng các phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo, rèn luyện phương pháp tự học của

học sinh, các hoạt động ngoại khoá, đặc biệt chú trọng giáo dục kỹ năng sống nhằm phát triển toàn diện và bồi dưỡng năng khiếu, các hoạt động vui chơi, tham quan, du lịch, giao lưu văn hoá, giáo dục môi trường; hoạt động từ thiện và các hoạt động xã hội khác phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi học sinh.

Riêng Tổ văn phòng lưu trữ và quản lý hồ sơ sổ sách theo đúng quy định [H2-1.4-08]; [H2-1.4-09]; [H2-1.4-03]; [H2-1.4-10]; [H2-1.4-11]; [H7-1.4-12].

b) Hằng năm, mỗi tổ chuyên môn đều vận dụng các chuyên đề vào quá trình giảng dạy như phương pháp tích hợp, dạy học theo dự án...nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của tổ bộ môn. So với mục tiêu đề ra vẫn còn một vài chuyên đề cần mở rộng phạm vi ứng dụng để mang lại hiệu quả bộ môn hơn [H2-1.4-13]; [H2-1.4-07]; [H2-1.4-14]; [H2-1.4-15].

2. Điểm mạnh

Cán bộ quản lý đảm bảo được các tiêu chuẩn về trình độ chính trị, phẩm chất đạo đức, chuyên môn nghiệp vụ theo quy định.

Các chuyên đề được thực hiện đều đặn, có đổi mới phương pháp dạy học và được vận dụng phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác giảng dạy và giáo dục học sinh.

3. Điểm yếu

So với mục tiêu đề ra vẫn còn một vài chuyên đề cần mở rộng phạm vi ứng dụng để mang lại hiệu quả bộ môn hơn. Một số chuyên đề chưa được giáo viên vận dụng nhiều vào giảng dạy.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Cán bộ quản lý không ngừng tích cực học tập, tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ nhằm đổi mới phương pháp quản lý theo hướng ngày càng đáp ứng tốt yêu cầu chung của ngành.

Từ năm học 2019-2020, nội dung kiểm tra nội bộ cần đẩy mạnh việc kiểm tra việc vận dụng chuyên đề của giáo viên vào các tiết dạy trên lớp.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 1.5: Lớp học

Mức 1:

- a) Có đủ các lớp của cấp học;
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp học; lớp học được tổ chức theo quy định;

c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Mức 2:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định.

Mức 3:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có đủ 4 khối lớp từ khối 6 đến khối 9, các lớp của mỗi khối được biên chế từ đầu năm học [H4-1.5-01]; [H2-1.5-02].

b) Theo Điều 15 của Điều lệ trường trung học, Nhà trường đã tổ chức phân chia học sinh theo lớp. Mỗi lớp đều có một lớp trưởng và một hoặc hai lớp phó do tập thể lớp bầu ra [H2-1.5-03].

c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ. Mỗi lớp đều có thành phần ban cán sự lớp gồm lớp trưởng, lớp phó, tổ trưởng, tổ phó và được bầu chọn một cách dân chủ. Trong lớp học sinh được chia thành 4 tổ đến 6 tổ, mỗi tổ có không quá 12 học sinh và có 1 tổ trưởng, 1 tổ phó do học sinh trong tổ bầu ra vào mỗi đầu năm học [H2-1.5-02]; [H2-1.5-03].

Mức 2:

Trong năm học 2013-2014, trường có 20/20 lớp đạt sĩ số dưới 45 học sinh/lớp.

Trong năm học 2014-2015, trường có 21/21 lớp đạt sĩ số dưới 45 học sinh/lớp.

Trong năm học 2015-2016, trường có 19/24 lớp đạt sĩ số dưới 45 học sinh/lớp, có 5/24 lớp đạt sĩ số trên 45 học sinh/lớp.

Trong năm học 2016-2017, trường có 19/24 lớp đạt sĩ số dưới 45 học sinh/lớp, có 5/24 lớp đạt sĩ số trên 45 học sinh/lớp.

Trong năm học 2017-2018, trường có 21/26 lớp đạt sĩ số dưới 45 học sinh/lớp, có 5/26 lớp đạt sĩ số trên 45 học sinh/lớp.

Trong năm học 2018-2019, sĩ số học sinh ở tất cả các lớp đều không vượt quá 45 học sinh/lớp [H4-1.5-01]; [H2-1.5-04].

Mức 3:

Số lớp của trường không quá 45 lớp. Từ năm học 2013-2014 đến nay số lượng học sinh trên lớp chưa đảm bảo theo chuẩn không quá 40 học sinh/lớp [H4-1.5-01]; [H2-1.5-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường tổ chức biên chế lớp, ban cán sự lớp đảm bảo đúng theo đúng quy định của Điều lệ trường trung học.

3. Điểm yếu

Từ năm học 2013-2014 đến nay, nhà trường còn một số lớp có sĩ số trên 40 học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm 2018-2019, Hiệu trưởng đã tham mưu với Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè; Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nhà Bè trong việc xây thêm phòng học để đảm bảo số học sinh trong một lớp không quá 40 học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

- a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;
- b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và cơ sở vật chất, công khai và kiểm tra định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định, quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;
- c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ hoạt động giáo dục.

Mức 2:

- a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Nhà trường lưu trữ và bảo quản đầy đủ hệ thống hồ sơ sổ sách theo quy định của Luật lưu trữ, Điều 27 của Điều lệ trường trung học. Các sổ sách hành chính được lưu trữ tại văn phòng, quản lý tài chính và tài sản tại bộ phận kế toán, các chứng từ thu chi và thanh toán trong năm cũng được lưu trữ và bảo quản khoa học theo đúng nguyên tắc tài chính [H4-1.6-01]; [H3-1.6-02]; [H6-1.6-03]; [H3-1.6-04]; [H3-1.6-05].

b) Hằng năm, nhà trường thực hiện lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, tài chính, tài sản nhà nước đúng theo quy định. Bộ phận tài vụ thực hiện công tác tự kiểm tra và công khai tài chính định kỳ. Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ rõ ràng, quy chế sẽ có hiệu lực sau khi đã thống nhất trong Hội nghị Cán bộ Công chức [H3-1.6-05]; [H3-1.6-06].

c) Hằng năm, bộ phận tài chính, các tổ chuyên môn tham mưu với hiệu trưởng việc đề xuất mua sắm, sửa chữa thiết bị giáo dục, cơ sở vật chất đúng danh mục để đáp ứng tốt cho hoạt động giáo dục của nhà trường cụ thể là: mua sách tham khảo, máy tính phục vụ cho việc học và tra cứu thông tin của học sinh, giáo viên; làm lưới che mát; sửa chữa nhà vệ sinh; mua ti vi, máy chiếu phục vụ cho đổi mới phương pháp dạy học, kỹ năng sống. Qua đó, Hiệu trưởng kiểm tra, phê duyệt đề xuất của các bộ phận để quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ hoạt động giáo dục [H3-1.6-05]; [H3-1.6-06]; [H3-1.4-06]; [H3-1.6-07].

Mức 2:

a) Nhà trường sử dụng các phần mềm trong công tác quản lý hồ sơ cán bộ, giáo viên, nhân viên (EPMIS); phần mềm IMAS 2018 quản lý tài chính, quản lý tài sản nhà nước, phần mềm báo cáo thuế và báo cáo bảo hiểm xã hội; website hệ thống thông tin Quảng ích, website cơ sở dữ liệu ngành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, website chuyển trường của Sở Giáo dục và Đào tạo, website trường học kết nối của Bộ Bộ Giáo dục và Đào tạo [H4-1.6-08]; [H3-1.6-09].

b) Trong 05 năm liên tiếp nhà trường không vi phạm đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán [H3-1.6-02]; [H3-1.6-03]; [H3-1.6-10]; [H3-1.6-04]]; [H3-1.6-11].

Mức 3:

Nhà trường chưa xây dựng cụ thể kế hoạch tài chánh ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để huy động sự đóng góp hiệu quả của các cá nhân, tổ chức mạnh thường quân để

tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện đầy đủ các quy định của Nhà nước về công tác quản lý hành chính tài chính và tài sản.

Ứng dụng tốt công nghệ thông tin trong quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường.

Nhà trường thực hiện tốt công khai tài chính

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa xây dựng kế hoạch tài chính ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để huy động sự đóng góp hiệu quả của các cá nhân, đơn vị, mạnh thường quân.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng tiếp tục thực hiện tốt công tác quản lý hành chính tài chính, tài sản theo đúng quy định của Nhà nước. Hiệu trưởng thường xuyên tự kiểm tra và công khai tài chính, tài sản theo định kỳ hằng tháng, hằng quý.

Tháng 8 năm 2019, nhân viên kế toán phải tham mưu với Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch tài chính ngắn hạn, trung hạn, dài hạn thiết thực để huy động được các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương trình Hội đồng trường lấy ý kiến và bắt đầu từ năm học 2019 – 2020.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường có xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên như các khóa bồi dưỡng trong hè; học trung cấp chính trị, học nâng cao Ngoại ngữ, Tin học; học chuẩn chức danh nghề nghiệp và các hoạt động bồi dưỡng của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nhà Bè, Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh [H1-1.7-01].

b) Nhà trường đã phân công và sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý theo năng lực và sở trường công tác của từng cá nhân. Vì thế chất lượng của các hoạt động giáo dục của trường đạt hiệu quả cao [H2-1.4-11]; [H1-1.7-02]; [H2-1.7-03]; [H1-1.7-04].

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền như: các chế độ chính sách theo quy chế chi tiêu nội bộ, tạo điều kiện cho giáo viên tham gia bồi dưỡng trình độ chuyên môn nghiệp vụ,... theo quy định tại Điều 32 của điều lệ trường trung học và các văn bản hiện hành khác [H1-1.3-11]; [H1-1.1-10]; [H3-1.7-05]; [H5-1.3-05]; [H5-1.7-06].

Mức 2:

Nhà trường luôn tạo điều kiện thuận lợi về thời gian, cơ sở vật chất để cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên phát huy việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục phù hợp với sở trường và năng lực của từng cá nhân cụ thể như: mỗi tổ nhà trường đều trang bị máy tính, máy in để thực hiện trong việc soạn, báo cáo, xây dựng kế hoạch; sắp xếp thời khóa biểu hợp lý, hỗ trợ kinh phí để giáo viên thuận lợi trong việc đi học. Các lớp chứng chỉ B2 của giáo viên Tiếng Anh; trung cấp chính trị; sau đại học. Ngoài ra, còn có chế độ khen thưởng giáo viên học tập tốt. Tuy nhiên, giáo viên Tiếng Anh chưa đạt được trình độ B2 theo khung tham chiếu Châu Âu [H1-1.7-07]; [H1-1.7-04]; [H1-1.7-02]; [H5-1.3-05]; [H2-1.4-14].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện tốt kế hoạch bồi dưỡng, phát triển đội ngũ hằng năm, tạo điều kiện để giáo viên tham gia học tập nâng cao chuyên môn nghiệp vụ để cải thiện chất lượng giáo dục. Phân công sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hợp lý và đảm bảo các hoạt động của nhà trường.

Các cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

3. Điểm yếu

Công tác bồi dưỡng của giáo viên Tiếng Anh chưa đạt hiệu quả. Giáo viên Tiếng Anh chưa đạt được yêu cầu trình độ B2 theo khung tham chiếu Châu Âu.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng tiếp tục đẩy mạnh việc tự bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ bằng cách yêu cầu giáo viên tích cực dự giờ học hỏi kinh nghiệm của đồng nghiệp, tham gia tốt việc dự các chuyên đề; đề cử giáo viên tham gia học các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ của ngành để nâng cao chuyên môn, tay nghề. Tiếp tục phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên một cách hợp lý theo năng lực, sở trường của giáo viên để đạt được hiệu quả cao trong các hoạt động giáo dục.

Giáo viên Tiếng Anh tích cực tự tham gia học, tự bồi dưỡng chuyên môn để đạt được chứng chỉ B2 theo khung tham chiếu châu Âu, đáp ứng được các hoạt động chuyên môn trong giai đoạn mới. Hiệu trưởng có chế độ hỗ trợ kinh phí, khen thưởng và đánh giá thi đua hàng quý để giáo viên Tiếng Anh có động lực để đạt được chứng chỉ B2.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

- a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế của địa phương và điều kiện nhà trường;
- b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;
- c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Kế hoạch hoạt động giáo dục của nhà trường được xây dựng trên định hướng giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nhà Bè và điều kiện thực tế của địa phương phù hợp với quy định hiện hành như: Tổ chức hoạt động dạy học và kiểm tra đánh giá đảm bảo thời gian quy định theo phân phối chương trình; các hoạt động ngoại khóa, dạy kỹ năng sống phù hợp với học sinh, đảm bảo thời gian và kiến thức dạy học trong

và ngoài nhà trường nhằm đáp ứng với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong giai đoạn đô thị hóa, xây dựng nông thôn mới [H2-1.7-03].

b) Kế hoạch giáo dục của nhà trường đã tổ chức thực hiện đầy đủ như: Kế hoạch đổi mới dạy học, bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu, kém, kế hoạch ngoại khóa, ngoài giờ lên lớp, kỹ năng sống, giáo dục địa phương, kế hoạch trải nghiệm, hướng nghiệp... Tuy nhiên, việc thực hiện kế hoạch đổi mới phương pháp dạy học ở một vài giáo viên chưa thực hiện tốt. [H2-1.7-03]; [H2-1.8-01]; [H2-1.8-02]; [H2-1.8-03]; [H2-1.4-03]; [H2-1.4-09].

c) Nhà trường tiến hành rà soát, đánh giá, điều chỉnh kế hoạch hoạt động giáo dục kịp thời theo tiến độ qua các buổi họp định kỳ [H2-1.7-03]; [H2-1.8-02]; [H5-1.2-07]; [H2-1.8-03]; [H2-1.4-04]; [H2-1.4-14]; [H2-1.8-05]; [H1-1.7-02]; [H1-1.3-11]; [H1-1.1-10].

Mức 2:

Trong quá trình triển khai tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường đã phân công các bộ phận kiểm tra đánh giá các hoạt động, điều chỉnh kịp thời thông qua các hoạt động của ban kiểm tra nội bộ công tác hoạt động hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn. Kết quả khi các bộ phận chuyên môn của phòng Giáo dục kiểm tra nhà trường đều đánh giá đạt hiệu quả.

Hàng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch thực hiện kiểm tra nội bộ theo các nội dung đã đề ra trong kế hoạch [H1-1.3-11].

Trường thực hiện tổ chức dạy học 2 buổi/ ngày nên không có hoạt động dạy thêm [H1-1.1-10]; [H2-1.7-03]; [H2-1.8-06]; [H2-1.4-14].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã thực hiện xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường. Kế hoạch được triển khai đến các tổ, bộ phận để thực hiện và định kỳ có rà soát, đánh giá, điều chỉnh phù hợp với thực tế nhà trường.

3. Điểm yếu

So với kế hoạch hoạt động giáo dục chung, việc đổi mới phương pháp dạy học của giáo viên và tham gia học tập của học sinh vẫn chưa đồng bộ, trình độ học sinh không đồng đều nên khả năng tiếp cận với phương pháp mới còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2018-2019, Hiệu trưởng chỉ đạo Phó hiệu trưởng tổ chức chuyên đề về đổi mới phương pháp dạy học tại đơn vị và thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện đổi mới phương pháp dạy của các giáo viên trên.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí: 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Thông qua Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức được tổ chức hằng năm, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, đều tham thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan tới các hoạt động của nhà trường theo quy định tại Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường, ban hành kèm theo Quyết định số 04/2000/QĐ-BGDĐT ngày 01 tháng 03 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục Đào tạo. Tuy nhiên việc đóng góp ý kiến của một số giáo viên còn mang tính cá nhân, chưa tập trung để xây dựng nền nếp kỷ cương của đơn vị [H5-1.7-06].

b) Nhận thức rõ vai trò của việc giải quyết các khiếu nại tố cáo, kiến nghị phản ánh nên Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước luôn thực hiện theo đúng quy trình. Nhà trường xây dựng quy chế tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo, thành lập tổ tiếp công dân. Nhà trường thông báo lịch tiếp công dân đến phụ huynh, giáo viên, học sinh và ban hành nội quy tiếp công dân để giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Trong quá trình giải quyết, hiệu trưởng nhà trường luôn thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ khách quan, đã làm rõ nguyên nhân phát sinh khiếu nại, tố cáo, kết luận rõ đúng, sai, đã đề ra phương án giải quyết phù hợp, có lý, có tình.

Mỗi tuần, hiệu trưởng nhà trường luôn dành ra một buổi chiều thứ 6 để tiếp công dân, thực hiện nghiêm túc chế độ tiếp dân, luôn tạo điều kiện thuận lợi để công dân tham gia trình bày ý kiến bản thân, và luôn giải thích phù hợp nên không xảy ra khiếu nại, tố cáo trong trường học [H1-1.9-01].

c) Thông qua các ý kiến đóng góp từ các cá nhân, bộ phận, đoàn thể từ các cuộc họp nhằm phát huy dân chủ trong cơ quan. Từ đó, nhà trường thực hiện báo cáo qui chế dân chủ cơ sở đầy đủ [H5-1.7-06]; [H5-1.3-05].

Mức 2:

Nhà trường tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ thông qua hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân của nhà trường, việc kiểm điểm công tác, tự phê bình và phê bình trong các phiên họp định kỳ của nhà trường và hội nghị cán bộ, công chức, viên chức [H1-1.9-02]; [H5-1.7-06]; [H5-1.3-05]; [H5-1.7-06]; [H1-1.3-11].

2. Điểm mạnh

Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường luôn được thực hiện tốt. Trong quá trình hoạt động, nhà trường luôn công khai các văn bản ban hành, hoặc công khai tài chính được niêm yết tại đơn vị của cơ quan trong thời gian 30 ngày liên tục.

3. Điểm yếu

Việc đóng góp ý kiến của một số giáo viên còn mang tính cá nhân, chưa tập trung để xây dựng nền nếp kỷ cương của đơn vị.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tháng 1 năm 2019, Công đoàn phải tuyên truyền mạnh mẽ hơn nữa việc thực hiện quy chế dân chủ động viên giáo viên phát biểu ý kiến nhằm hướng đến xây dựng nhà trường ngày càng phát triển tốt hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn, phòng chống tai nạn thương tích; an toàn, phòng chống cháy, nổ; an toàn, phòng chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn của xã hội

và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; nhà trường có tổ chức bữa ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ, quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kì thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường xây dựng các kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học cho các em học sinh. Đồng thời, giáo dục cho học sinh hiểu, vận dụng vào cuộc sống như: kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn, phòng chống tai nạn thương tích; an toàn, phòng chống cháy, nổ; an toàn, phòng chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn của xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H4-1.10-01]; [H8-1.10-02]; [H8-1.10-03].

b) Nhà trường có trang bị hộp thư góp ý để tại sảnh trường, công khai cho các học sinh biết, có đường dây nóng cung cấp số điện thoại công an, Phòng giáo dục, bảo vệ, phòng cháy chữa cháy để tiếp nhận thông tin của phụ huynh và học sinh, nhằm đảm bảo an toàn cho học sinh khi có sự cố xảy ra [H4-1.10-04].

Ngoài ra, nhà trường còn có bộ phận tiếp nhận các thông tin phản ánh của người dân để kịp thời xử lý các thông tin, sự việc cần thiết từ học sinh và phụ huynh [H1-1.9-01].

c) Nhà trường không có hiện tượng kì thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường [H8-1.10-05].

Mức 2:

a) Nhà trường đã phối hợp tổ chức các buổi tuyên truyền vào các buổi sinh hoạt dưới cờ cho cán bộ giáo viên, nhân viên và học sinh cùng tìm hiểu và thực hiện các phương án đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống cháy nổ; phòng chống thảm họa thiên tai; phòng chống dịch bệnh; bạo lực học đường; ngăn chặn tệ nạn xã hội thâm nhập vào nhà trường [H1-1.1-09].

b) Nhà trường đã tăng cường các biện pháp giáo dục học sinh ý thức giữ gìn an ninh trật tự trường học, phòng chống bạo lực học đường. Tuy nhiên, việc nắm bắt xử lý thông tin đôi khi còn chậm trễ dẫn đến xảy ra một số mâu thuẫn giữa các em học sinh nhưng đã được nhà trường phát hiện và xử lý kịp thời.

Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm, các bộ phận đoàn thể quan tâm theo dõi và giải quyết các vấn đề liên quan đến bạo lực học đường và xử lý theo thông tư đã quy định. Tập huấn cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh các biện pháp cứu hộ cứu nạn khi xảy ra thiên tai, hỏa hoạn. Tiếp tục tăng cường đảm bảo an ninh trật tự trước cổng trường [H8-1.10-06].

2. Điểm mạnh

Hàng năm, nhà trường có kế hoạch tuyên truyền đến tập thể sư phạm, đến học sinh về việc phòng cháy chữa cháy, phòng chống xâm hại tình dục, đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn phòng chống cháy nổ, phòng chống dịch bệnh, bạo lực học đường, ngăn chặn tệ nạn xã hội thâm nhập vào nhà trường nên an ninh trật tự, an toàn trường học được đảm bảo.

3. Điểm yếu

Mặc dù đã thường xuyên kiểm tra, giám sát, theo dõi nhưng việc nắm bắt xử lý thông tin đôi khi còn chậm trễ dẫn đến xảy ra một số mâu thuẫn giữa các em học sinh nhưng đã được nhà trường phát hiện kịp thời và xử lý kịp thời.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2019-2020, Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm, tổng phụ trách Đội tổ chức tuyên truyền nội quy học sinh và các quy định khác đa dạng, hấp dẫn, kịp thời để học sinh hiểu rõ hơn và nhà trường nắm bắt thông tin kịp thời hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Kết luận về tiêu chuẩn 1:

Điểm mạnh nổi bật: Công tác tổ chức quản lý nhà trường của Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước huyện Nhà Bè trong những năm qua được thực hiện chặt chẽ nghiêm túc, đúng quy định. Có cơ cấu tổ chức bộ máy, số lớp, số học sinh theo quy định của Điều lệ trường trung học. Chiến lược đã được cấp thẩm quyền phê duyệt, được công khai rộng rãi. Thực hiện đầy đủ hồ sơ theo quy định về quản lý hành chính, tài chính và tài sản. Thực hiện tốt việc công khai tại đơn vị theo đúng hướng dẫn công khai chất lượng giáo dục và tài chính. Tình hình an ninh trật tự, đảm bảo an toàn trường học đã được nhà trường quan tâm và thực hiện tốt.

Điểm yếu cơ bản: Số lượng học sinh trên lớp chưa đạt tiêu chuẩn của mức 3, số học sinh trên lớp còn trên 40 học sinh. Việc thực hiện chuyên đề của các tổ bộ môn chưa đồng đều về chất lượng ở một vài giáo viên.

Ở tiêu chuẩn 1, Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước đạt kết quả như sau:

Số tiêu chí đạt Mức 1: 10/10 tiêu chí

Số tiêu chí đạt Mức 2: 10/10 tiêu chí

Số tiêu chí đạt Mức 3: 8/10 tiêu chí

Đánh giá chung tiêu chuẩn 1: Đạt Mức 2

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu:

Đội ngũ cán bộ giáo viên, nhân viên trong nhà trường là lực lượng giáo dục quan trọng có tính chất quyết định hiệu quả hoạt động Giáo dục của nhà trường. Hoạt động của mỗi cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên đều góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục của nhà trường.

Cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức trong sáng, lành mạnh, có trình độ chuyên môn vững vàng, có kinh nghiệm giảng dạy và tư vấn cho đội ngũ trên tất cả mọi lĩnh vực, tận tụy, nhiệt huyết với công việc. Số lượng giáo viên, nhân viên của trường đảm bảo yêu cầu quy định và đều được đào tạo chuyên môn phù hợp với công tác được giao. Nhiều thầy cô đạt giáo viên dạy giỏi cấp huyện, có uy tín với học sinh và nhân dân địa phương.

Nội bộ nhà trường đoàn kết, đồng thuận cao và không ngừng phát triển. Tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nêu cao tinh thần tương thân tương ái, giúp đỡ, hỗ trợ, chia

sẽ lẫn nhau những khó khăn trong công tác cũng như trong cuộc sống. Điều đó thúc đẩy hoạt động giáo dục của nhà trường ngày càng vững mạnh.

Học sinh đáp ứng yêu cầu theo quy định của Điều lệ trường trung học và quy định của pháp luật.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt chuẩn theo quy định;
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, hiệu trưởng có 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong nhà trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính tới thời điểm được đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hiệu trưởng nhà trường tốt nghiệp Đại học sư phạm – chuyên ngành Toán học, tốt nghiệp thạc sĩ quản lý giáo dục; có thâm niên 18 năm công tác. Từ năm 2000 đến năm 2010 là giáo viên công tác tại Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ, từ năm 2010 đến năm 2017 làm Phó Hiệu trưởng Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ, từ năm 2017 đến nay làm Hiệu trưởng Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước.

Phó hiệu trưởng nhà trường tốt nghiệp thạc sĩ – chuyên ngành Toán học, thâm niên công tác 12 năm. Từ năm 2006 đến năm 2010 là giáo viên trường Trung học cơ sở Hiệp Phước, từ năm 2010 đến nay làm Phó hiệu Trưởng trường Trung học cơ sở Hiệp Phước, có đủ năng lực đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công [H1-2.1-01].

b) Trong 05 năm qua hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường được đánh giá đạt chuẩn trở lên theo quy định chuẩn hiệu trưởng [H1-2.1-02].

c) Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định. Cụ thể: hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng hiệu trưởng Trung học cơ sở (năm 2011) và lớp bồi dưỡng nghiệp vụ Quản lý nhà nước ngạch chuyên viên năm 2016. Năm 2018, Hiệu trưởng có bằng Thạc sĩ Quản lý giáo dục.

Mức 2:

a) Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng có 05 năm được đánh giá đạt chuẩn ở mức xuất sắc theo quy định chuẩn hiệu trưởng [H1-2.1-02].

Năm học	Kết quả đánh giá chuẩn Hiệu trưởng	Kết quả đánh giá chuẩn Phó hiệu trưởng
2013-2014	Xuất sắc	Xuất sắc
2014-2015	Xuất sắc	Xuất sắc
2015-2016	Xuất sắc	Xuất sắc
2016-2017	Xuất sắc	Xuất sắc
2017-2018	Xuất sắc	Xuất sắc

b) Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định. Cụ thể hiệu trưởng, phó hiệu trưởng có bằng trung cấp chính trị quản lý hành chính nhà nước. Hằng năm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường đều tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng chính trị trong hè. Cuối năm học hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đều được giáo viên, nhân viên nhận xét, đánh giá quá trình công tác trong năm; kết quả bỏ phiếu tín nhiệm đều đạt tỉ lệ tín nhiệm từ 90% trở lên [H1-2.1-01]; [H1-2.1-03].

Mức 3:

Trong 05 năm qua, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường đều được đánh giá đạt chuẩn ở mức xuất sắc theo quy định chuẩn hiệu trưởng theo các điều 4, điều 5, điều 6, điều 7, điều 8 tại chương II của Thông tư 29/2009/TT- BGDDT [H1-2.1-02]. Tuy nhiên trong các tiêu chí đánh giá hiệu trưởng và phó hiệu trưởng còn hạn chế tiêu chí quản lý hành chính. Việc thiết lập hồ sơ và thực hiện các quy trình quản lý nhà trường chưa đầy đủ theo hướng dẫn.

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường đã có trình độ thạc sỹ (01 chuyên ngành quản lý giáo dục, 01 chuyên ngành toán học); có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng các yêu cầu của ngành.

3. Điểm yếu

Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng chưa đáp ứng tốt chuẩn quản lý hành chính.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Cán bộ quản lý không ngừng tích cực học tập, thường xuyên tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ quản lý, khả năng giao tiếp ngoại ngữ theo chuẩn hiệu trưởng.

Từ năm 2018-2019, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch tự kiểm tra quản lý hành chính và thường xuyên chỉ đạo văn thư thiết lập hồ sơ hành chính đầy đủ theo quy định.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

- a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;
- b) 100% giáo viên đạt chuẩn về trình độ đào tạo theo quy định;
- c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỉ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp từ mức khá trở lên;
- c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính tới thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá nhà trường có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp của giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có đủ số lượng, cơ cấu giáo viên theo quy định tại thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 về việc hướng dẫn danh mục vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập và các quy định khác. Tuy nhiên có một số năm do giáo viên của nhà trường chuyển đi nơi khác công tác nên nhà trường thỉnh giảng thêm giáo viên để đảm bảo đủ số lượng, cơ cấu giáo viên theo quy định. Cụ thể số lượng giáo viên các năm như sau:

Năm học	Số lượng giáo viên biên chế của trường	Số lượng giáo viên thỉnh giảng	Số lượng giáo viên/ số lớp	Bình quân số giáo viên/ lớp
2013-2014	37	0	37/20	1,9
2014-2015	37	5	42/22	1,9
2015-2016	39	4	43/24	1,8
2016-2017	38	6	44/24	1,8
2017-2018	38	8	46/26	1,8
2018-2019	34	16	50/27	1,9

Trường có 01 giáo viên kiêm tổng phụ trách đội đã có bằng D [H4-2.2-01]; [H1-1.7-04].

b) 100% giáo viên đạt chuẩn về trình độ đào tạo từ cao đẳng trở lên theo quy định tại điều 33 của Điều lệ trường trung học [H4-2.2-01].

c) Nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt (hoàn thành nhiệm vụ) trở lên [H1-2.2-02].

Cụ thể, kết quả đánh giá chuẩn giáo viên hằng năm theo thông tư số 30/2017/TT-BGDĐT ngày 22/10/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo như sau:

Năm học	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Chưa đạt	Kém
2013-2014	22/37 (59,5%)	15/37 (40,5%)	0	0	0
2014-2015	27/37 (73%)	10/37 (27%)	0	0	0
2015-2016	33/39 (84,6%)	6/39 (15,4%)	0	0	0
2016-2017	35/38 (92,1%)	3/38 (7,9%)	0	0	0
2017-2018	20/38 (52,6%)	18/38 (47,4%)	0	0	0

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỉ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp. Cụ thể tỉ lệ giáo viên trên chuẩn của nhà trường như sau:

Năm học	Số lượng GV trên chuẩn	Tỉ lệ % GV trên chuẩn
2013-2014	26/37	70,3
2014-2015	33/42	78,6
2015-2016	35/43	81,4
2016-2017	35/44	79,5
2017-2018	38/46	82,6

Như vậy có 100% giáo viên đều ở mức đạt trở lên [H4-2.2-01].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% giáo viên được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên [H1-2.2-02]; [H5-1.2-07].

c) Giáo viên có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm lồng ghép trong các tiết học như tổ chức cho học sinh làm thí nghiệm, thực hành môn Sinh, môn Hóa, đo đạc trong các tiết Toán, thực hành trong các tiết Âm nhạc, Mỹ thuật, Công nghệ; trải nghiệm trong trường như trồng cây, bón phân, làm cỏ, chăm sóc cây trồng, cắm hoa... ;

trải nghiệm thực hành kỹ năng phòng cháy chữa cháy dưới sân cờ.... Ngoài ra hằng năm nhà trường có tổ chức nhiều hoạt động trải nghiệm ngoài nhà trường như viếng nhà bia liệt sĩ, tham quan học tập tại bến Nhà Rồng, về nguồn Rạch Gầm- Xoài Mút, trải nghiệm trồng rau tại khu công nghệ cao Củ Chi [H2-2.2-03].

Giáo viên có khả năng định hướng nghề nghiệp, phân luồng nghề nghiệp sau trung học sơ sở. Hằng năm, giáo viên chủ nhiệm lớp 9 đều dạy các tiết hướng nghiệp, phối hợp với các trường nghề tổ chức các buổi tuyên truyền, phân tích, định hướng cho học sinh và phụ huynh chọn lựa đúng hướng đi cho học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở. Tỷ lệ phân luồng qua nghề của trường qua các năm như sau:

Năm học 2013-2014: 24/162 (14,8%)

Năm học 2014-2015: 41/174 (23,6%)

Năm học 2015-2016: 36/214 (16,8%)

Năm học 2016-2017: 53/192 (27,6%)

Năm học 2017-2018: 74/263 (28,1%)

[H2-2.2-04]; [H2-2.2-03]; [H2-2.2-06]; [H2-2.2-05]

Hằng năm đều có giáo viên hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học. Kết quả cũng có nhiều đề tài nghiên cứu khoa học của học sinh đạt giải cấp huyện, cấp thành phố. Tuy nhiên, nhà trường chưa có nhiều giáo viên hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học [H2-2.2-07]; [H4-2.2-08].

Năm học	Số đề tài nghiên cứu khoa học của học sinh	Số đề tài đạt giải cấp thành phố
2013-2014	3	2
2014-2015	3	1
2015-2016	3	2
2016-2017	3	2
2017-2018	4	1

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có giáo viên bị kỉ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-2.2-02].

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính tới thời điểm đánh giá tỉ lệ giáo viên của nhà trường đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá trở lên là 100%; trong đó tỉ lệ giáo viên đạt chuẩn ở mức xuất sắc đạt từ 52,6% trở lên [H1-2.2-02].

b) Trong những năm gần đây, nhà trường không có giáo viên báo cáo đề tài nghiên cứu khoa học.

2. Điểm mạnh

Đội ngũ giáo viên có trình độ đào tạo từ đạt chuẩn trở lên, có năng lực chuyên môn cao, kinh nghiệm, nhiệt tình và nắm bắt tinh thần bộ môn tốt, ứng dụng tốt công nghệ thông tin trong việc đổi mới phương pháp dạy học. Số lượng giáo viên của nhà trường đạt trình độ trên chuẩn cao hơn so với quy định.

3. Điểm yếu

Chưa có nhiều giáo viên hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng cần tăng thêm chế độ khen thưởng đối với giáo viên hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học đạt giải cao cấp thành phố trong quy chế chi tiêu nội bộ năm 2019. Trong năm học 2019-2020, nhà trường sẽ giao chỉ tiêu cụ thể cho giáo viên hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học.

Tháng 9 năm 2019, tổ Lý-Hóa-Sinh thực hiện báo cáo chuyên đề hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học. Giáo viên thực hiện là các giáo viên đã hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học có giải cao của các năm trước để các giáo viên khác học hỏi phương pháp và kinh nghiệm.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công việc phù hợp với đúng chuyên môn nghiệp vụ, năng lực thực tế của mỗi người;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính tới thời điểm đánh giá nhà trường không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm các nhân viên được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí được phân công.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Số lượng nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm đủ để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công. Cụ thể:

Tháng 9 năm 2018 nhà trường có 01 biên chế văn thư kiêm nhiệm thủ quỹ, 01 biên chế kế toán, 01 biên chế y tế, 01 giáo viên kiêm nhiệm công nghệ thông tin, 01 giáo viên kiêm nhiệm hỗ trợ người khuyết tật, 01 hợp đồng thư viện kiêm thí nghiệm thiết bị.

Tháng 01/2019 hiệu trưởng rà soát lại số lượng và cơ cấu nhân viên theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 của bộ Giáo dục Đào tạo hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập (có hiệu lực thi hành từ ngày 28 tháng 8 năm 2017) và phân công lại như sau:

+ Nhóm 1: Nhóm nhân viên thư viện; thiết bị, thí nghiệm; công nghệ thông tin. Nhà trường đã hợp đồng hai nhân viên: 01 nhân viên công nghệ thông tin, 01 nhân viên làm công tác thư viện. Các nhân viên này đã nộp hồ sơ tuyển dụng và đang đợi kết quả tuyển dụng vào tháng 05 năm 2019. Nhà trường phân công 01 giáo viên dạy công nghệ 8 kiêm nhiệm phụ trách thiết bị, thí nghiệm.

+ Nhóm 2: Nhóm nhân viên văn thư; kế toán; y tế và thủ quỹ. Với nhóm này nhà trường đã có đủ biên chế 03 nhân viên: 01 văn thư kiêm thủ quỹ, 01 kế toán, 01 y tế.

+ Nhóm 3: Nhóm nhân viên hỗ trợ người khuyết tật. Nhà trường đã phân công 01 giáo viên dạy công nghệ 6 kiêm nhiệm hỗ trợ giáo dục người khuyết tật [H1-1.7-04].

b) Nhân viên nhà trường được phân công việc phù hợp với đúng chuyên môn nghiệp vụ, năng lực thực tế của mỗi người. Thư viện là nhân viên hợp đồng có bằng trung cấp nghiệp vụ thư viện. Nhân viên công nghệ thông tin có trình độ đại học công

nghe thông tin phụ trách mảng công nghệ thông tin của trường. Nhân viên văn thư có bằng trung cấp văn thư. Nhân viên kế toán đã học xong đại học kế toán, đang chờ cấp bằng. Nhân viên y tế có bằng trung cấp y tế [H4-2.2-01]; [H1-2.3-01].

c) Nhân viên trong nhà trường hoàn thành các nhiệm vụ được giao. Nhân viên công nghệ thông tin làm tốt mảng thông tin của trường như tạo trang web đăng bài; xử lý mạng, máy tính khi có sự cố; hỗ trợ giáo viên học tập, soạn thảo giáo án điện tử.... Văn thư làm tốt nghiệp vụ, báo cáo kịp thời, kiêm nhiệm tốt phần việc của thủ quỹ; có báo cáo thu chi hàng tuần, hàng tháng cho hiệu trưởng. Kế toán quản lý về tài chính không sai sót, báo cáo cập nhật kịp thời thu chi hàng tháng, hàng quý, hàng năm. Y tế làm tốt công tác tuyên truyền, phòng chống dịch bệnh cho học sinh, giáo viên trong trường; được cơ quan y tế cấp trên đánh giá tốt. Thư viện sắp xếp các kệ sách, tổ chức các buổi giới thiệu sách báo, thu hút học sinh đến thư viện đọc sách, tìm tài liệu. Giáo viên kiêm nhiệm thiết bị, thí nghiệm kết hợp với các giáo viên phụ trách các phòng thí nghiệm lí, hóa, sinh, công nghệ làm tốt mảng hồ sơ sổ sách, lau dọn và chuẩn bị đồ dùng thí nghiệm. [H5-2.3-02]; [H5-1.2-07].

Mức 2:

a) Theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 của bộ Giáo dục Đào tạo hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập (có hiệu lực thi hành từ ngày 28 tháng 8 năm 2017) thì năm học 2018-2019 nhà trường đảm bảo đủ định mức 02 nhân viên nhóm 1, 03 nhân viên nhóm 2, 01 giáo viên kiêm nhiệm hỗ trợ người khuyết tật ở nhóm 3 [H4-2.2-01]; [H1-1.7-04].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính tới thời điểm đánh giá nhà trường không có nhân viên nào bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H5-1.2-07]; [H1-2.3-01].

Mức 3:

a) Nhân viên văn thư có bằng trung cấp văn thư đáp ứng được vị trí việc làm. Nhân viên kế toán chỉ có bằng cao đẳng kế toán đang học lên đại học, nhân viên y tế chỉ có bằng trung cấp y tế nên chưa đáp ứng vị trí việc làm. Các nhân viên ở vị trí giáo dục hòa nhập, thiết bị do giáo viên kiêm nhiệm nên chưa có trình độ đào tạo đáp ứng vị trí việc làm.

Đối với nhân viên bảo vệ đã có 01 trong 03 người được bồi dưỡng về nghiệp vụ [H4-2.2-01].

b) Hằng năm các nhân viên: kế toán, y tế, văn thư, thư viện,... đều được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí được phân công [H4-2.3-03].

2. Điểm mạnh

Trường đã bố trí đủ nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm theo vị trí việc làm để đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ. Đa số nhân viên đều có trình độ chuẩn và trên chuẩn làm tốt nhiệm vụ được giao.

Nhiều nhân viên hoạt động tích cực, nhiệt tình, dành thời gian và công sức cho công việc, có kinh nghiệm, phối hợp tốt giữa các bộ phận để đảm bảo tiến trình và kế hoạch toàn trường.

3. Điểm yếu

Các nhân viên ở vị trí giáo dục hòa nhập, thiết bị nên chưa có trình độ đào tạo đáp ứng vị trí việc làm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tổ chức xét tuyển nhân viên ở các vị trí còn thiếu vào tháng 5 năm 2019.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

- a) Đảm bảo đúng theo quy định.
- b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định Điều lệ trường trung học.
- c) Được đảm bảo các quyền theo quy định Điều lệ trường trung học và các quyền quy định khác.

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Nhà trường có nhiều học sinh có thành tích tốt trong học tập, tham gia tích cực các hoạt động của lớp, của nhà trường, của Đội thiếu niên tiền phong.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Tất cả học sinh của nhà trường đều đảm bảo đúng theo quy định về tuổi học sinh cấp trung học cơ sở theo điều 37 của Điều lệ trường trung học [H4-1.5-01]; [H2-1.5-02].

b) Học sinh của nhà trường thực hiện các nhiệm vụ học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục của nhà trường. Học sinh biết kính trọng cha mẹ, thầy cô giáo, cán bộ công nhân viên của nhà trường và những người lớn tuổi; đoàn kết, giúp đỡ nhau trong học tập, thực hiện nội quy nhà trường và chấp hành pháp luật của nhà nước. Học sinh biết rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh cá nhân. Học sinh được tham gia các hoạt động tập thể của nhà trường, của lớp, của Đội thiếu niên tiền phong, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh; tham gia các công tác xã hội như bảo vệ môi trường, thực hiện trật tự an toàn giao thông. Học sinh có ý thức giữ gìn, bảo vệ tài sản của nhà trường, nơi công cộng; xây dựng và phát huy truyền thống nhà trường [H2-1.5-02]; [H5-2.4-01].

c) Học sinh được nhà trường đảm bảo các quyền như được bình đẳng trong việc hưởng thụ giáo dục toàn diện, được tạo điều kiện về cơ sở vật chất, được cung cấp thông tin về việc học của mình, được sử dụng các trang thiết bị phương tiện phục vụ các hoạt động học tập, văn hóa, thể thao... Học sinh được tôn trọng, đối xử bình đẳng, dân chủ; được tham gia các hoạt động nhằm phát triển năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật; được giáo dục kỹ năng sống. Học sinh được nhận học bổng hoặc trợ cấp theo quy định đối với những học sinh được hưởng chính sách xã hội, những học sinh có khó khăn; được hưởng các quyền khác theo quy định của pháp luật [H1-2.4-02]; [H5-2.4-03]; [H5-2.4-04]; [H2-2.4-05].

Mức 2:

Một số học sinh chưa tự giác thực hiện nhiệm vụ về học tập và rèn luyện đạo đức đã vi phạm các hành vi không được làm như giao tiếp với giáo viên chưa chuẩn mực, chưa thực hiện đúng việc làm bài kiểm tra, chưa chấp hành tốt quy định của nhà trường.... Các hành vi này được giáo viên phát hiện kịp thời xử lý bằng nhiều hình thức khác nhau như viết bản tự kiểm, mời phụ huynh trao đổi, giáo dục nhắc nhở; đa số các em đều có sự chuyển biến tích cực, nhận ra lỗi sai và không tái phạm nên trong nhiều năm gần đây nhà trường không có học sinh nào xếp loại hạnh kiểm yếu [H2-1.5-02]; [H2-1.4-14]; [H1-2.4-06].

Mức 3:

Nhà trường có nhiều học sinh có thành tích tốt trong học tập, tham gia tích cực các hoạt động của lớp, của nhà trường, của Đội thiếu niên tiền phong. Trong năm học nhiều học sinh đạt thành tích học sinh giỏi và học sinh tiên tiến, một số học sinh đạt các giải cao trong các kì thi học sinh giỏi cấp huyện và cấp thành phố [H4-2.4-07]; [H2-1.4-11].

2. Điểm mạnh

Học sinh nhà trường được hưởng đầy đủ quyền lợi học tập, vui chơi, phát triển năng khiếu; thực hiện các nhiệm vụ của học sinh theo Điều lệ trường trung học và các quy định khác về pháp luật.

3. Điểm yếu

Còn một số học sinh chưa tự giác thực hiện nhiệm vụ về học tập và rèn luyện đạo đức.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2019-2020, nhà trường tăng cường phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh để tuyên truyền, vận động phụ huynh thường xuyên nhắc nhở con em mình trong học tập; Hiệu trưởng chỉ đạo tổng phụ trách Đội tổ chức nhiều hoạt động trong và ngoài trường nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục, đạo đức học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Kết luận về tiêu chuẩn 2:

Điểm mạnh nổi bật: Nhân sự nhà trường đạt trình độ về đào tạo theo quy định. Cán bộ quản lí làm việc khoa học, đạt hiệu quả khá tốt. Hằng năm hầu hết giáo viên đều được xếp loại có năng lực chuyên môn từ khá trở lên; không có cán bộ giáo viên nhân viên nào vi phạm pháp luật và quy định về đạo đức nhà giáo. Đa số học sinh đều có ý thức chấp hành tốt Điều lệ trường trung học. Nội bộ nhà trường đoàn kết; không có cán bộ, giáo viên, nhân viên bị xử lý kỷ luật.

Điểm yếu cơ bản: Còn một số học sinh chưa tự giác thực hiện nhiệm vụ về học tập và rèn luyện đạo đức.

Ở tiêu chuẩn 2, Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước đạt kết quả như sau:

Số tiêu chí đạt Mức 1: 4/4 tiêu chí

Số tiêu chí đạt Mức 2: 4/4 tiêu chí

Số tiêu chí đạt Mức 3: 2/4 tiêu chí.

Đánh giá chung tiêu chuẩn 2: Đạt mức 2.

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Trong các năm học qua, nhà trường đã quản lý và sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất tại đơn vị, đồng thời huy động được nhiều nguồn lực cùng tham gia xây dựng cơ sở vật chất trường học và thực hiện mục tiêu giáo dục. Trường có diện tích đảm bảo theo quy định, có khuôn viên riêng biệt, tường bao, cổng trường, biển trường, có khu sân chơi, bãi tập, khu để xe, khu vệ sinh và hệ thống cấp thoát nước và xây dựng được môi trường xanh, sạch đẹp, có đủ trang, thiết bị giáo dục đồ dùng dạy học và quản lý sử dụng theo quy định. Thiết bị luôn được mua sắm, sửa chữa, bổ sung đầy đủ.

Phòng học, phòng thực hành, phòng máy tính, phòng bộ môn... luôn được quản lý chu đáo, đảm bảo tốt hoạt động giảng dạy, thực hành bộ môn.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập

Mức 1:

- a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;
- b) Có cổng trường, biển tên trường và tường rào bao quanh;
- c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Mức 3:

Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất 6m^2 /học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất 10m^2 /học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Khuôn viên rộng rãi với diện tích: 13.584m^2 , có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè cấp. Nhà trường đã xây dựng được môi trường xanh, sạch, đẹp có bồn hoa, cây xanh; có lưới lan che mát bảo đảm thoáng mát cho học sinh.[H1-3.1-01].

b) Trường có tường xây, biển trường đạt theo tiêu chuẩn của điều lệ trường, hàng rào kiên cố bao quanh trường đảm bảo an toàn cho khuôn viên trường [H3-3.1-03]; [H1-3.1-02].

c) Sân chơi có diện tích là 5.200m² đáp ứng đủ diện tích để học sinh vui chơi, có lưới lan che mát, ghế ngồi, cây xanh. Khu bãi tập có thiết bị luyện tập thể dục thể thao và đảm bảo an toàn cho học sinh học tập [H3-3.1-03]; [H2-1.4-14].

Mức 2:

Nhà trường có bố trí sắp xếp khu vực riêng biệt cho môn Thể dục, giúp học sinh rèn luyện thể chất. Khu bãi tập có hồ cát cho học sinh nhảy xa, sân đá bóng mini có cỏ nhân tạo, có trụ bóng rổ, đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục. Ngoài ra, nhà trường có phòng tập đa năng kết hợp với Hội trường để học sinh tập luyện môn cầu lông, bóng bàn. Tuy nhiên, thiết bị tập luyện thể dục thể thao còn thiếu chưa đáp ứng đủ nhu cầu luyện tập của học sinh [H3-3.1-03]; [H3-1.6-02]; [H3-1.6-03].

Mức 3:

Trường thuộc khu vực nông thôn, diện tích bình quân: 11m²/học sinh đạt yêu cầu. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích: 5.200m² trên 25% tổng diện tích sử dụng của trường đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục [H3-3.1-03]; [H1-3.1-02].

2. Điểm mạnh

Khuôn viên trường rộng lớn, sạch sẽ, thoáng mát, khu luyện tập thể dục thể thao đáp ứng nhu cầu tập thể dục của học sinh.

3. Điểm yếu

Trường chưa trang bị thiết bị tập luyện thể dục thể thao của phòng tập đa năng đầy đủ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2019 - 2020, hiệu trưởng tiếp tục tham mưu với Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện để có nguồn kinh phí xây dựng nhà đa năng tách biệt với Hội trường, bổ sung thêm trang thiết bị luyện tập thể dục thể thao trong nhà trường nhằm phục vụ cho việc vui chơi và học tập của học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập

Mức 1:

a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát, đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;

b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định;

c) Có phòng hoạt động Đoàn – Đội, thư viện – thiết bị và phòng truyền thống.

Mức 2:

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Khôi phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường đảm bảo đủ phòng học 2 buổi/ngày (27 lớp/27 phòng). Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát, đúng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế [H3-3.2-01].

b) Nhà trường có 08 phòng bộ môn: 01 phòng thực hành Lý, 01 phòng thực hành Sinh, 01 phòng thực hành Hóa, 01 phòng thực hành Công nghệ 8- 9, 02 phòng thực hành Tin học, 01 phòng Mỹ thuật và 01 phòng Âm nhạc. Hệ thống các phòng học bộ môn của nhà trường đã đáp ứng đầy đủ yêu cầu học tập và giảng dạy của giáo viên và học sinh [H3-3.1-03]; [H1-3.1-02].

c) Nhà trường có 01 phòng hoạt động Đoàn – Đội, 01 phòng thư viện và 01 phòng truyền thống [H3-3.1-03]; [H1-3.1-02].

Mức 2

a) Phòng học được xây dựng với diện tích là 48m^2 , phòng bộ môn có 08 phòng bộ môn: 01 phòng Thực hành Lý: 72m^2 , 01 phòng Thực hành Sinh: 72m^2 , 01 phòng Thực hành Hóa: 72m^2 , 01 phòng Thực hành Công nghệ 8,9: 72m^2 , 02 phòng Thực hành Tin học: 48m^2 , 01 phòng Mỹ thuật, 01 phòng Âm nhạc, mỗi phòng bộ môn đều có gắn màn, có 1 cửa ra vào. Tuy nhiên, diện tích các phòng bộ môn chưa đạt chuẩn, thiết

kế xây dựng phòng bộ môn chưa đáp ứng 2 cửa ra vào. 04 phòng học khu C đang xuống cấp còn thấp so với 2 dãy phòng học A và B do được xây dựng năm 1998.

Trường có 01 phòng hỗ trợ học sinh hòa nhập [H3-1.6-02]; [H6-1.6-03]; [H3-3.1-03].

b) Nhà trường có 01 phòng Giám thị, 01 phòng Giáo viên, 01 phòng Y tế, 01 phòng nhân viên, 01 phòng Thư viện, 01 phòng Thiết bị, 01 phòng Bảo vệ, 08 phòng Bộ môn, 01 phòng Hiệu trưởng, 01 phòng Phó Hiệu trưởng, 01 phòng Tài vụ, 01 phòng Kế toán, 01 phòng Truyền thông, 01 phòng Hội đồng, 01 phòng Hội trường, khối hành chính – quản trị: 01 phòng Đoàn đội, 02 phòng vi tính đáp ứng yêu cầu hoạt động của nhà trường theo quy định [H3-3.1-03].

Mức 3:

Nhà trường đã trang bị đầy đủ thiết bị dạy học, đảm bảo đủ đồ dùng dạy học tối thiểu cho tất cả bộ môn. Mỗi phòng học đều có trang bị bàn ghế, bảng, quạt, đèn chiếu sáng. Đặc biệt có 08 phòng học được trang bị ti vi, máy chiếu, máy tính. Phòng thí nghiệm thực hành Lý – Hóa – Sinh, Công nghệ đều được trang bị máy vi tính, máy chiếu, ti vi[H6-3.2-02].

2. Điểm mạnh

Các phòng học vừa được cải tạo sạch sẽ , khang trang, trang bị đầy đủ đèn quạt; Sân chơi cũng được cải tạo, nâng cấp đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường.

3. Điểm yếu

Diện tích các phòng bộ môn chưa đạt chuẩn. Thiết kế xây dựng phòng bộ môn chưa đáp ứng 2 cửa ra vào. Hiện tại 04 phòng học khu C đang xuống cấp còn thấp so với 2 dãy phòng học A và B do được xây dựng năm 1998. Các trang thiết bị của các phòng bộ môn được trang bị nhưng chưa đúng quy cách.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tháng 6/2019, hiệu trưởng tham mưu với Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nhà Bè và chủ động tìm nguồn kinh phí để tăng cường sửa chữa, cải tạo các phòng học đã xuống cấp, xây thêm phòng để chuyển đổi công năng phòng công nghệ theo đúng chuẩn, bổ sung trang thiết bị dạy học để nâng cao chất lượng dạy học của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 3.3: Khối phòng phục vụ học tập và khối hành chính – quản trị

Mức 1:

- a) Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính – quản trị của nhà trường;
- b) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;
- c) Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính – quản trị.

Mức 2:

Khối hành chính – quản trị theo quy định, khu bếp ăn, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mức 3:

Khối hành chính – quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có 02 phòng tin học, 01 phòng truyền thống và 01 phòng Đoàn - Đội, 01 phòng thư viện, 01 phòng Hiệu trưởng, 01 phòng Phó Hiệu trưởng, 01 phòng hành chính được trang bị các thiết bị điện tử, có kết nối internet [H1-3.1-02]; [H3-3.3-01]; [H3-1.6-02]; [H3-3.1-03]; [H6-1.6-03].

b) Nhà trường có 3 khu để xe: 01 khu để xe khách, 01 khu để xe giáo viên – nhân viên, 01 khu để xe học sinh. Khu để xe vừa được cải tạo, bố trí hợp lý, có nền xi măng bằng phẳng, rộng rãi, có mái che nắng, mưa vững chắc nằm ở ngay cổng ra vào, đảm bảo an toàn, trật tự, không gây tiếng ồn ảnh hưởng đến hoạt động giảng dạy của nhà trường.

c) Hằng năm, nhà trường đều có kế hoạch sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính – quản trị [H3-3.3-02].

Mức 2:

Có 01 phòng Hiệu trưởng, 01 phòng Phó Hiệu trưởng, 01 phòng hành chính, 01 phòng y tế, 01 phòng bảo vệ, 01 phòng phục vụ theo quy định.

Khu bếp ăn được trang bị hệ thống bếp ăn đầy đủ, nhà ăn có bàn ăn sạch sẽ đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm

Nhà nghỉ dành cho giáo viên nam và giáo viên nữ sạch sẽ, thoáng mát, an toàn, vệ sinh, đảm bảo được sức khỏe cho giáo viên [H3-1.6-02]; [H6-1.6-03]; [H3-3.1-03].

Mức 3:

Khối hành chính – quản trị được trang bị đầy đủ trang thiết bị như máy tính, máy in, bàn làm việc ... được sắp xếp khoa học, hợp lí, đảm bảo điều kiện làm việc. Tuy nhiên, phòng văn thư (tiếp dân) diện tích nhỏ nên còn khó khăn trong việc tiếp phụ huynh, người dân đến liên hệ công việc [H3-3.1-03]; [H3-1.6-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường trang bị hệ thống máy vi tính có kết nối internet và máy in đáp ứng tốt cho công tác quản lý, giảng dạy và tổ chức các hoạt động giáo dục.

3. Điểm yếu

Khối hành chính – quản trị có diện tích nhỏ nên không đủ không gian thuận tiện cho công tác tiếp công dân.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tháng 6/2019, hiệu trưởng chủ động tham mưu với Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè trong việc xây dựng mở rộng khu hành chính mới.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam và nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Có 02 khu vệ sinh cho học sinh nam, 02 khu vệ sinh cho học sinh nữ, 02 khu vệ sinh cho giáo viên, nhân viên. Tất cả các khu vệ sinh được xây dựng riêng biệt. Các

phòng vệ sinh sạch sẽ, không ô nhiễm môi trường, đảm bảo cấp đủ nước, an toàn thuận tiện cho giáo viên và học sinh.[H3-3.3-01].

b) Nhà trường sử dụng nước sạch của Thành phố để sinh hoạt, hợp đồng cung cấp nước bình cho học sinh và giáo viên – nhân viên sử dụng đảm bảo an toàn vệ sinh [H4-3.4-03].

Hệ thống thoát nước mới được cải tạo lại đảm bảo vệ sinh môi trường phục vụ cho hoạt động của nhà trường [H8-3.4-01].

c) Nhà trường có 02 nhân viên phục vụ hằng ngày quét dọn, thu gom rác, đảm bảo môi trường học tập và làm việc sạch đẹp. Đồng thời, nhà trường có hợp đồng với tổ thu gom rác của xã đến thu gom đảm bảo vệ sinh môi trường [H3-3.4-02].

Mức 2:

a) Phòng vệ sinh, nhà vệ sinh sạch sẽ nằm ngay ở cạnh hàng lang, thoáng mát có ánh nắng đảm bảo thuận tiện và phù hợp với cảnh quan và theo quy định [H3-3.3-01].

b) Hệ thống cung cấp nước sạch đáp ứng quy định tại khoản 1 và 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BGDĐT-BYT ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Bộ Giáo dục Đào tạo và Bộ Y tế quy định về công tác y tế trường học, cụ thể:

Sử dụng nguồn nước uống từ công ty cấp nước có đủ điều kiện cung cấp nước uống đóng chai theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 6 -1: 2010/BYT) ban hành kèm theo Thông tư số 34/2010/TT-BYT ngày 02 tháng 6 năm 2010 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước uống đóng chai.

Sử dụng nguồn nước sinh hoạt theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia (QCVN 02: 2009/BYT) ban hành kèm theo Thông tư số 05/2009/TT-BYT ngày 17 tháng 6 năm 2019 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước sinh hoạt.

Hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BGDĐT-BYT ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Bộ GDĐT và Bộ Y tế Quy định về công tác y tế trường học, cụ thể: Có hệ thống cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt, không để nước ứ đọng xung quanh trường lớp; có hệ thống thoát nước riêng cho khu vực nhà bếp, nhà vệ sinh. Có hợp đồng với tổ thu gom rác của xã Hiệp Phước có đủ điều kiện thu gom, xử lý chất thải, rác thải sinh hoạt theo quy định.

Thùng rác có thiết kế gồm 02 loại thùng rác riêng biệt, có nắp đậy được bố trí hợp lý trên khuôn viên trường để học sinh thuận tiện trong việc để rác đúng nơi quy

định và đúng loại chất thải. Tuy nhiên vẫn còn một số học sinh thực hiện chưa tốt việc phân loại rác.

Khu tập trung rác thải được bố trí xa với phòng học, khối hành chính, nằm cách biệt, có lối ra vào riêng.

Việc phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý rác trong trường được thực hiện đúng theo quy định [H3-3.4-02]; [H4-3.4-03]; [H3-3.4-04].

2. Điểm mạnh

Hệ thống thoát nước và các khu vệ sinh đã được cải tạo đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng cho học sinh. Nguồn nước sinh hoạt và nguồn nước uống đảm bảo chất lượng. Khu vực xung quanh trường lớp sạch sẽ.

3. Điểm yếu

Nhà trường vẫn còn một số học sinh vẫn còn thực hiện chưa tốt việc phân loại rác theo quy định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tăng cường hướng dẫn học sinh kiến thức về phân loại rác và tuyên truyền đến phụ huynh nhằm phối hợp với nhà trường trong việc giáo dục học sinh nâng cao ý thức giữ gìn và phân loại rác sinh hoạt theo quy định.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Tất cả các phòng bộ môn, phòng hành chính – quản trị đều được trang bị máy vi tính, máy in, có kết nối internet, có 01 phòng thiết bị riêng để cất giữ thiết bị dạy học [H3-1.6-02].

b) Mỗi môn học đều được trang bị đầy đủ các thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu cho việc dạy và học [H6-1.6-03].

c) Mỗi tổ đều có thực hiện kiểm kê, đề xuất kinh phí mua và sửa chữa thiết bị dạy học [H3-3.5-01]; [H6-1.6-03]; [H6- 1.4-05]; [H6-3.6-03].

Mức 2:

a) Tất cả các phòng hành chính – quản trị, phòng học, phòng bộ môn đều có hệ thống máy tính được kết nối internet, phủ wifi toàn trường [H3-3.5-02].

b) Nhà trường trang bị đầy đủ thiết bị dạy học theo quy định. Thiết bị dạy học, tranh ảnh, băng đĩa, giá vẽ tranh, các dụng cụ vẽ, đàn organ, dụng cụ thể thao như: cầu, vợt, đệm nhảy, sào, bàn đạp, dây, ... được sắp xếp, trưng bày, cất giữ tại phòng học bộ môn và kho thiết bị. Tuy nhiên, trường không có nhân viên phụ trách thiết bị mà chỉ phân công cho giáo viên kiêm nhiệm phụ trách thiết bị nên còn hạn chế trong việc quản lý thiết bị dạy học [H6-3.2-02].

c) Hằng năm, các tổ chuyên môn đều tiến hành kiểm kê, đánh giá thực trạng đồ dùng dạy học. Từ đó đề xuất kinh phí xin mua sắm thiết bị dạy học còn thiếu hoặc đề xuất sửa chữa thiết bị hư hỏng và mua dụng cụ làm đồ dùng dạy học tự làm của giáo viên [H3-3.5-01]; [H6-3.5-03].

Mức 3:

Có 03 bảng tương tác, 04 máy chiếu để phục vụ cho việc ứng dụng công nghệ thông tin trong việc giảng dạy của giáo viên. Ngoài ra, giáo viên còn tự làm thêm các dụng cụ dạy học. Tuy nhiên số lượng và chất lượng vẫn còn hạn chế [H2-3.5-04]; [H1-1.7-02].

2. Điểm mạnh

Phòng thiết bị được bố trí hợp lý, sắp xếp ngăn nắp, gọn gàng và có đầy đủ trang thiết bị phục vụ cho công tác dạy và học của nhà trường.

3. Điểm yếu

Số lượng và chất lượng các thiết bị dạy học tự làm còn hạn chế nên chưa phục vụ hiệu quả cho công tác dạy và học của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng chỉ đạo bộ phận thiết bị phối hợp với các tổ bộ môn đề xuất mua sắm thêm các trang thiết bị và bổ sung đồ dùng dạy học tự làm có chất lượng, phục vụ hiệu quả cho công tác giảng dạy.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hằng năm, thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên. Hệ thống máy tính của Thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Phòng Thư viện được cải tạo mới khang trang, sạch sẽ, chia làm 2 phòng: phòng đọc sách và kho sách. Có thư viện đọc sách ngoài trời cho học sinh. Thư viện có các loại báo, tạp chí cho theo danh mục Bộ Giáo dục và Đào tạo, các loại sách, tài liệu, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa, sách giáo khoa, phục vụ cho việc nghiên cứu học tập của cán bộ - quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh. Thư viện có đầy đủ các loại sổ sách theo quy định: sổ theo dõi mượn, trả sách, báo, tạp chí, tài liệu tham khảo ... [H6-3.6-01].

b) Thư viện lên lịch mở cửa phục vụ bạn đọc vào các ngày trong tuần. Mỗi tháng, Thư viện có kế hoạch giới thiệu sách, cho học sinh kể một câu chuyện về tấm gương tốt để học sinh noi theo. Phòng thư viện thoáng mát, sạch sẽ, rộng rãi giúp cho học sinh thoải mái đọc sách.

Phòng Thư viện có bàn đọc sách cho học sinh, có 08 bộ máy vi tính được kết nối internet cho học sinh và giáo viên nghiên cứu và tìm hiểu thêm thông tin trên mạng giúp ích cho việc dạy và học [H6-3.6-01].

c) Hằng năm, có kiểm kê, bổ sung sách, mua báo thiếu nhi, báo nhân dân, Sài Gòn giải phóng, mua bổ sung tranh ảnh giáo dục, sách giáo khoa đáp ứng yêu cầu cho học sinh học và việc dạy của giáo viên [H3-3.5-01]; [H6-3.6-02]; [H6-3.6-03].

Mức 2:

Trong 5 năm vừa qua thư viện nhà trường được đánh giá xếp loại là Thư viện đạt chuẩn [H6-3.6-04].

Mức 3:

Thư viện chưa đạt Thư viện tiên tiến trở lên vì nhân viên thư viện chưa thực hiện tốt thiết lập hồ sơ thư viện. Phòng Thư viện có máy tính được kết nối internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh [H6-3.6-05].

2. Điểm mạnh

Phòng Thư viện được cải tạo mới khang trang, sạch sẽ, có khu đọc sách ngoài trời cho học sinh. Hằng năm đều có bổ sung sách, truyện cho học sinh, bổ sung sách giáo khoa cho giáo viên tham khảo.

Phòng Thư viện được bố trí máy vi tính có kết nối internet cho học sinh sử dụng.

3. Điểm yếu

Kết quả xếp loại Thư viện hằng năm chưa đạt tiên tiến trở lên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm 2019-20120, nhân viên thư viện rà soát lại các tiêu chí đánh giá chưa tốt để khắc phục. Hiệu trưởng tăng cường công tác kiểm tra nội bộ nhân viên thư viện để khắc phục các hạn chế. Nhà trường sẽ cử nhân viên thư viện tham gia các lớp tập huấn để nâng cao nghiệp vụ thư viện nhằm hướng tới mục tiêu quản lý thư viện điện tử.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Kết luận về tiêu chuẩn 3

Điểm mạnh nổi bật: Cảnh quan nhà trường đảm bảo xanh, sạch, đẹp và thoáng mát. Đảm bảo đầy đủ các phòng học bộ môn, khối phòng hỗ trợ học tập. Các phòng học và phòng chức năng được trang bị đầy đủ các trang thiết bị nhằm phục vụ tốt cho hoạt động của học sinh, giáo viên và nhân viên.

Có khu luyện tập thể dục thể thao, phòng đa năng cho học sinh luyện tập nhằm rèn luyện thể chất.

Thư viện xanh sạch đẹp có không gian đọc ngoài trời và có hệ thống máy tính kết nối internet.

Điểm yếu cơ bản: Nhà trường không có nhân viên phụ trách thiết bị mà chỉ phân công giáo viên kiêm nhiệm nên việc quản lý thiết bị dạy học còn hạn chế. Các thiết bị ở các phòng thí nghiệm đã cũ chưa được trang bị mới các thiết bị hiện đại hơn.

Ở tiêu chuẩn 3, Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước đạt kết quả như sau:

Số tiêu chí đạt Mức 1: 6/6 tiêu chí

Số tiêu chí đạt Mức 2: 6/6 tiêu chí

Số tiêu chí đạt Mức 3: 2/6 tiêu chí

Đánh giá chung tiêu chuẩn 3: Đạt Mức 2.

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình – xã hội luôn đóng vai trò quan trọng góp phần giáo dục học sinh một cách toàn diện và hiệu quả. Hiện tại ở trường Trung học cơ sở Hiệp Phước, mối quan hệ này đã và đang được phát huy tích cực. Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động đúng điều lệ, tích cực hỗ trợ nhà trường giúp đỡ học sinh nghèo, học sinh khuyết tật, vận động học sinh ra lớp. Đồng thời nhà trường chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương; phối hợp với các tổ chức, đoàn thể bên ngoài nhà trường; huy động và sử dụng tương đối hiệu quả các nguồn lực đóng góp của xã hội. Để thực hiện nhiệm vụ được giao, Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước, huyện Nhà Bè đã phối hợp với gia đình và xã hội trong việc giáo dục học sinh. Nhà trường sẽ hướng dẫn, phổ biến, tuyên truyền pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh nhằm nâng cao trách nhiệm giáo dục trẻ. Ban đại

diện cha mẹ học sinh giúp đỡ học sinh nghèo, học sinh khuyết tật, học sinh có hoàn cảnh khó khăn, vận động học sinh ra lớp. Thông qua đó nhằm giúp học sinh ý thức tự giác học tập, rèn luyện đạo đức để xứng đáng là con ngoan, trò giỏi.

Nhà trường tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức cá nhân trong chiến lược phát triển nhà trường để hướng tới trường đạt chuẩn quốc gia trong việc xây dựng nông thôn mới.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục: hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

Vào đầu mỗi năm học, các lớp bầu Ban đại diện cha mẹ học sinh trong đó có trưởng ban và phó ban. Các thành viên Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp là những người nhiệt tình, có trách nhiệm trong việc phối hợp với giáo viên chủ nhiệm lớp, giáo viên bộ môn, nhà trường và đại diện cho cha mẹ học sinh trong lớp thực hiện các hoạt động giáo dục học sinh.

Thông qua Đại hội cha mẹ học sinh của các lớp được tổ chức, Ban đại diện cha mẹ học sinh trường đã được thành lập theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo,

hoạt động theo đúng Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động theo nguyên tắc đồng thuận. Các nội dung thảo luận, thống nhất trong Ban đại diện cha mẹ học sinh được ghi trong biên bản cuộc họp [H1-4.1-01]; [H1-4.1-02].

b) Ban đại diện cha mẹ học sinh đã xây dựng quy chế hoạt động và làm việc cụ thể và hằng năm được phổ biến rộng rãi đến tất cả cha mẹ học sinh toàn trường. Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp với nhà trường trong việc quản lý, giáo dục học sinh và thực hiện những nhiệm vụ do Ban đại diện cha mẹ học sinh đề ra. Phối hợp với giáo viên chủ nhiệm của lớp để chăm lo, quản lý, động viên học sinh tích cực tự giác học tập, rèn luyện đạo đức, tuân thủ nội quy của nhà trường. Kiến nghị với nhà trường tạo điều kiện cho con em mình học tập và rèn luyện [H1-4.1-01].

Trong năm học, tổ chức họp toàn thể cha mẹ học sinh lớp ba lần: vào đầu năm học, sơ kết học kỳ I và kết thúc năm học [H1-4.1-02]; [H1-1.3-11]; [H1-1.1-10].

c) Hằng năm, nhà trường tổ chức các cuộc họp đột xuất và định kỳ vào đầu năm, sau học kỳ 1 và cuối năm học để trao đổi với phụ huynh về công tác giáo dục học sinh đồng thời tiếp thu các ý kiến đóng góp về công tác quản lý, giáo dục học sinh và thực hiện giải quyết các kiến nghị hợp lý của cha mẹ học sinh. Các kế hoạch hoạt động được tổ chức thực hiện theo đúng tiến độ [H1-4.1-01]; [H1-4.1-02].

Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục. Ngoài ra, Ban đại diện cha mẹ học sinh hỗ trợ cơ sở vật chất cho nhà trường như trang bị lưới lan để che nắng cho học sinh, trang bị thêm hệ thống quạt, khen thưởng học sinh tiên tiến; kinh phí tham gia các kì thi văn hay chữ tốt, lớn lên cùng sách, văn nghệ, khéo tay kĩ thuật; công tác kiểm định giáo dục... Hỗ trợ học sinh tham gia các hội thi cấp huyện, cấp thành phố. Hỗ trợ tham gia thi nét vẽ xanh [H1-4.1-01]; [H1-13-11]; [H1-11-10]; [H1-4.1-02]; [H4-4.1-03].

Ban đại diện cha mẹ học sinh hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh của các khối lớp. Đồng thời phối hợp cùng với nhà trường trong việc huy động học sinh đến trường, vận động học

sinh đã bỏ học trở lại lớp. Ban đại diện cha mẹ học sinh còn phối hợp với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện về an toàn giao thông [H4-4.1-04]; [H4-4.1-05].

Mức 3:

Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp với giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh; phối hợp với giáo viên chủ nhiệm lớp chuẩn bị nội dung họp cha mẹ học sinh trong năm học; tham gia giáo dục đạo đức học sinh, bồi dưỡng, khuyến khích học sinh giỏi, giúp đỡ học sinh yếu kém, vận động học sinh bỏ học tiếp tục trở lại học tập, giúp đỡ học sinh nghèo, học sinh khuyết tật và học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Tuy nhiên, Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động chưa đồng đều giữa các lớp. Vì Ban đại diện cha mẹ học sinh chưa nắm rõ nội dung hoạt động theo điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh và chưa có nhiều thời gian để hỗ trợ. Hoạt động của Ban Đại diện cha mẹ học sinh của một số các lớp chỉ dừng lại việc họp cùng với Ban đại diện của trường và triển khai đến cha mẹ tại lớp, khả năng tuyên truyền còn hạn chế [H1-1.3-11]; [H1-1.1-10]; [H4-4.1-06]; [H4-4.1-07]; [H1-4.1-01].

2. Điểm mạnh

Ban đại diện cha mẹ học sinh của nhà trường hoạt động theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh ban hành theo Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ giáo dục và Đào tạo. Các thành viên trong Ban đại diện cha mẹ của trường cũng như của lớp nhiệt tình, tích cực và dành thời gian, công sức cho việc vận động học sinh ra lớp, giáo dục các em học sinh, giúp đỡ, hỗ trợ cho những học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

3. Điểm yếu

Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động chưa đồng đều giữa các lớp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2018-2019 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng nhà trường tiếp tục phối hợp cùng Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường trong việc giáo dục các em học sinh, đồng thời biện pháp hỗ trợ giáo dục học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường.

Mức 1:

a) Tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm cộng đồng về chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường bằng nhiều hình thức khác nhau (qua các cuộc họp, qua các phương tiện truyền thông,...);

c) Huy động và sử dụng các nguồn hợp pháp của các tổ chức cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

b) Phối hợp với các tổ chức cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức, lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trong từng năm học, nhà trường căn cứ vào tình hình thực tế tại đơn vị đã tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền, Ủy ban nhân dân xã và huyện, Phòng Giáo dục và Đào tạo xây dựng, sửa chữa cơ sở vật chất để phát triển nhà trường theo kế hoạch năm học [H1-1.3-11]; [H1-1.1-10]; [H4-1.10-01].

b) Nhà trường đã phối hợp tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của trường. Hằng năm, nhà trường thực hiện việc tuyên truyền đến các ban ngành đoàn thể của địa phương các nội dung, kế hoạch thông qua các cuộc họp chi bộ, lễ khai giảng, sơ kết. Ngoài ra, nhà trường cũng đã ký kết với Công an xã Hiệp Phước – huyện Nhà Bè trong việc gìn giữ an ninh trật tự trên địa bàn xã, phối hợp với xã Đoàn trong các phong trào hội diễn văn nghệ, hội thi, tham gia

trồng cây xanh theo kế hoạch “Ngày cuối tuần của tôi”... [H8-10-06]; [H5-1.3-08]; [H5-1.3-10]; [H5-1.3-05]; [H5-1.3-02]; [H5-1.3-04].

c) Nhà trường huy động các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định Ban Đại diện cha mẹ học sinh hỗ trợ nhà trường khen thưởng học sinh giỏi, học sinh có thành tích xuất sắc, trao tặng học bổng cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Ngoài ra, hằng năm, nhà trường còn nhận được sự tài trợ của các mạnh thường quân, hội nông dân, bộ đội biên phòng trong việc trao học bổng cho học sinh. Tuy nhiên, việc huy động nguồn lực tự nguyện, công tác xã hội hóa từ cha mẹ học sinh còn hạn chế do tình hình kinh tế tại địa phương, đời sống của người dân ở xã Hiệp Phước còn nhiều khó khăn [H2-1.4-14]; [H3-1.6-02]; [H6-1.6-03].

Mức 2:

a) Hằng năm, tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền trong việc duy trì sĩ số, huy động học sinh ra lớp, hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở. Tham mưu với địa phương về cơ sở vật chất hướng tới mục tiêu trường đạt chuẩn quốc gia [H4-1.10-01]; [H5-1.3-05]; [H4-4.2-01]; [H5-1.3-02]; [H4-4.1-04]; [H4-4.2-02]; [H4-4.2-03]; [H4-4.2-04].

b) Nhà trường phối hợp với các tổ chức đoàn thể tổ chức các hoạt động chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa ở địa phương (Nhà truyền thống Hiệp Phước). Phối hợp với Hội cựu chiến binh trong việc tuyên truyền ngày quân đội nhân dân Việt Nam qua đó giúp học sinh hiểu và tự hào về truyền thống vẻ vang của dân tộc. Từ đó, các em sẽ ra sức cố gắng học tập để xây dựng đất nước ngày càng phát triển hơn [H4-4.2-05]; [H4-4.2-06]; [H1-1.3-11]; [H1-1.1-10].

Mức 3:

Hằng năm, nhà trường phối hợp với cấp ủy đảng, chính quyền tổ chức học nghị quyết, chuyên đề, học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, kết hợp với chi đoàn địa phương trong việc tổ chức phong trào “Mừng Đảng mừng xuân” [H7-4.2-07]; [H4-4.2-06]; [H1-1.3-11].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã phối hợp với các tổ chức ban ngành, đoàn thể của địa phương trong việc giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc cho học sinh và thực hiện tốt việc chăm sóc di tích lịch sử.

3. Điểm yếu

Công tác xã hội hóa của nhà trường còn hạn chế do tình hình kinh tế và đời sống của người dân ở xã Hiệp Phước còn nhiều khó khăn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm 2019-2020 và những năm tiếp theo, Nhà trường tiếp tục phối hợp với các ban ngành đoàn thể, chính quyền địa phương trong công tác giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc, đạo đức, lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao cho các em học sinh. Song song đó cán bộ quản lý giáo viên, nhân viên cố gắng huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn hợp pháp của các tổ chức cá nhân đúng quy định.

Nhà trường tiếp tục tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với tổ chức cá nhân trong chiến lược phát triển nhà trường để hướng tới trường đạt chuẩn quốc gia trong việc xây dựng nông thôn mới.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Kết luận về tiêu chuẩn 4:

Điểm mạnh nổi bật: Nhìn chung ban đại diện cha mẹ học sinh của nhà trường hoạt động theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo; hoạt động tích cực, nhiệt tình, dành thời gian và công sức cho công tác vận động học sinh ra lớp, cùng đồng hành với nhà trường trong các hoạt động như giúp đỡ hỗ trợ những học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Nhà trường đã phối hợp chặt chẽ với chính quyền và các tổ chức đoàn thể địa phương để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc cho học sinh.

Điểm yếu cơ bản: Hoạt động Ban đại diện cha mẹ học sinh chỉ dừng lại ở nhiệm vụ hỗ trợ cho trường. Ở một số lớp, việc huy động sự hỗ trợ từ cha mẹ học sinh ở một số lớp còn hạn chế vì điều kiện kinh tế gia đình khó khăn phải vất vả mưu sinh không có dành thời gian nhiều cho việc học tập của con em.

Ở tiêu chuẩn 4, Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước đạt kết quả như sau:

Số tiêu chí đạt Mức 1: 2/2 tiêu chí

Số tiêu chí đạt Mức 2: 2/2 tiêu chí

Số tiêu chí đạt Mức 3: 2/2 tiêu chí

Tự đánh giá chung tiêu chuẩn 4: Đạt Mức 3

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu:

Trường Trung học sở Hiệp Phước huyện Nhà Bè tổ chức đầy đủ các hoạt động giáo dục theo chương trình và kế hoạch do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Hoạt động đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra đánh giá được đẩy mạnh nhằm nâng cao chất lượng. Nhà trường thực hiện tốt công tác giáo dục địa phương. Việc bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu, phụ đạo học sinh yếu kém cũng được nhà trường quan tâm thực hiện. Các hoạt động ngoại khóa về văn nghệ, thể dục thể thao, giáo dục kỹ năng sống, các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cũng được nhà trường thường xuyên tổ chức giảng dạy, lồng ghép trong tiết học của bộ môn, các chủ đề giáo dục ngoài giờ lên lớp. Trường đã tổ chức giáo dục toàn diện cho học sinh một cách linh hoạt và hiệu quả.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông

Mức 1:

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục;

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;

c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.

Mức 2:

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức học sinh;

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3:

Hàng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường thực hiện đúng kế hoạch thời gian của năm học, học kỳ I học 19 tuần, học kỳ II học 18 tuần; tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục. Tất cả các giáo viên đều xây dựng và thực hiện theo kế hoạch giảng dạy theo đúng phân phối chương trình [H2-1.7-03]; [H2-1.4-03]; [H2-1.8-02]; [H1-1.3-11]; [H1-1.1-10]; [H2-1.4-04].

b) Hằng năm, hiệu trưởng nhà trường chỉ đạo giáo viên vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường. Trong quá trình giảng dạy, giáo viên đã bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn cho học sinh [H2-1.8-02]; [H2-5.1-01].

c) Nhà trường có các hình thức kiểm tra đánh giá học sinh đảm bảo khách quan và hiệu quả. Thông qua các buổi họp tổ chuyên môn định kỳ, các thành viên trong tổ thống nhất hình thức tổ chức, nội dung kiến thức kiểm tra, đề kiểm tra thực hiện theo cấu trúc: Nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao, vận dụng các kiến thức lí thuyết vào giải quyết thực tế. Sau đó tổ trưởng nộp đề kiểm tra về cho cán bộ quản lý phê duyệt trước khi kiểm tra, đánh giá học sinh. Từ đó, các tổ chuyên môn tổ chức thực hiện theo quy định. Tuy nhiên, nhà trường chưa tổ chức hình thức thay thế cột điểm kiểm tra bằng hoạt động trải nghiệm cho nhiều học sinh [H2-1.4-14].

Mức 2:

a) Định kỳ, cán bộ quản lý kiểm tra việc thực hiện kế hoạch giảng dạy của giáo viên qua sổ đầu bài, sổ báo giảng, dự giờ và qua kiểm tra tập của học sinh để đảm bảo thực hiện đúng chương trình. Nhà trường chỉ đạo các tổ bộ môn phải linh hoạt chương trình giảng dạy, lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng học sinh giỏi, học sinh yếu... và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức học sinh thông qua các hoạt động góp ý dự giờ của cán bộ quản lý; phiên họp tổ trưởng chuyên môn, họp sơ kết, họp Hội đồng giáo dục [H2-1.4-04]; [H2-1.8-04]; [H2-5.1-02].

b) Đầu năm học, hiệu trưởng chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch và thực hiện bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện [H2-1.4-14]; [H2-5.1-03].

Mức 3:

Hàng năm, nhà trường thực hiện rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy của giáo viên và học tập của học sinh [H2-1.4-14]; [H2-1.4-15]; [H2-1.4-13]; [H5-1.2-07].

2. Điểm mạnh

Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục.

Hoạt động tổ chức bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh yếu đã được tổ chức thường xuyên và mang lại hiệu quả cao.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa tổ chức hình thức thay thế cột điểm kiểm tra bằng hoạt động trải nghiệm cho nhiều học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Các tổ chuyên môn, giáo viên tiếp tục dạy học đúng đủ các môn học và các hoạt động giáo dục. Vận dụng tốt các phương pháp dạy học tích cực vào giảng dạy.

Trong năm học 2019-2020, nhà trường sẽ thực hiện tổ chức các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng hơn thông qua các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, dạy học theo dự án để đánh giá kết quả hoạt động của học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí: 5.2 Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 1:

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

c) Hàng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2:

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được các mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3:

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm nhà trường đều xây dựng kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện [H2-5.1-03].

b) Ngay từ đầu năm học thông qua việc khảo sát chất lượng đầu năm, giáo viên chủ nhiệm của các lớp nắm bắt từng đối tượng học sinh trong lớp, có kiến nghị với nhà trường cũng như tổ chuyên môn để có kế hoạch phân công giáo viên bồi dưỡng và phụ đạo học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục [H2-1.4-11]; [H2-1.4-15]. Qua đó, nhà trường chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch và thực hiện dạy bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện vào ngày thứ bảy hằng tuần [H2-1.4-14].

c) Hằng năm, nhà trường rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện [H2-1.4-14].

Mức 2:

Thông qua việc dạy bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện của nhà trường được thực hiện một cách thường xuyên và dài hạn nên kết quả giáo dục của học sinh yếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đều đủ điều kiện lên lớp cũng như học sinh có năng khiếu tích cực học tập đạt kết quả cao trong các hội thi đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch đề ra [H2-1.4-11]; [H2-1.4-15].

Mức 3:

Nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ: các câu lạc bộ của bộ môn, các chủ đề về thầy cô, cha mẹ, quê hương, truyền thống dân tộc. Hoạt

động thể thao: bóng đá, bóng bàn, chạy việt dã, điền kinh, đẩy gậy, kéo co, cờ tướng,... Trò chơi dân gian: nhảy sạp, đập niêu,... Sinh hoạt tập thể cho học sinh trong các dịp lễ lớn trong năm như: Khai giảng, kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam, Tết Nguyên Đán, ngày thành lập Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.... Hằng năm, Phòng Giáo dục và Đào tạo, Trung tâm Thể dục thể thao huyện Nhà Bè và Thành phố tổ chức các cuộc hội thi: hội khoẻ Phù Đổng, vô địch học sinh, văn nghệ, lễ hội dân gian, nhà trường đều tích cực tham gia đầy đủ và đạt được huy chương vàng, bạc và đồng cấp huyện và thành phố. Tuy nhiên, kết quả các hội thi thể thao cấp thành phố chưa đạt hiệu quả cao. Học sinh tham gia các hội thi Nét vẽ xanh, học sinh giỏi lớp 9, nghiên cứu khoa học, khéo tay kỹ thuật;... có đạt giải cấp huyện, cấp thành phố [H2-1.4-11]; [H2-1.4-15].

2. Điểm mạnh

Nhà trường tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đạt hiệu quả. Kết quả thi học sinh giỏi cấp huyện, thành phố các môn văn hóa có nhiều học sinh đạt giải cao.

3. Điểm yếu

Kết quả các hội thi thể thao và nét vẽ xanh cấp thành phố chưa đạt hiệu quả cao.

Số lượng học sinh giỏi khối 9 cấp thành phố của các bộ môn không đồng đều và số lượng còn ít, chưa ổn định qua các năm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng tiếp tục tạo điều kiện giúp đỡ, tổ chức dạy phụ đạo học sinh yếu cho các em gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện nhận học bổng từ các tổ chức, cá nhân tặng để tạo điều kiện tốt hơn, nâng cao chất lượng học tập. Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các em có năng khiếu phát huy hết khả năng của mình trong học tập và rèn luyện.

Từ năm học 2019 - 2020, hiệu trưởng chỉ đạo các tổ bộ môn chọn đối tượng học sinh phù hợp với đặc thù môn học, năng lực dự thi; xây dựng kế hoạch cụ thể và thực hiện dạy bồi dưỡng dài hạn cho học sinh có năng khiếu và đúc rút kinh nghiệm cho hoạt động bồi dưỡng để các em có đủ năng lực tham gia hội thi đạt giải cấp thành phố. Giáo viên Thể dục xây dựng kế hoạch cụ thể và thực hiện rèn luyện dài hạn cho học sinh để giúp học sinh có đủ năng lực tham gia các giải thể thao cấp thành phố đạt hiệu quả.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định

Mức 1:

- a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch;
- b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh được thực hiện theo kế hoạch;
- c) Hằng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường thực hiện đầy đủ các nội dung giáo dục địa phương theo quy định tại công văn số 5977/BGDĐT-GDTrH của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các tài liệu địa phương của Sở Giáo dục và Đào tạo đối với các môn Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí góp phần đảm bảo mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn cuộc sống, giáo dục địa phương [H2-1.8-01]; [H2-1.8-02]; [H2-5.3-01]; [H2-5.3-02].

b) Hằng năm, nhà trường đều thực hiện việc kiểm tra và đánh giá các nội dung giáo dục địa phương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H2-1.4-04]; [H2-1.5-04].

c) Mỗi năm học, nhà trường thực hiện rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu mới thiết thực với tình hình thực tế của xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè để điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương phù hợp trong giảng dạy. Tuy nhiên, số lượng học sinh tham gia tham quan thực tiễn theo kế hoạch về chương trình giáo dục địa phương của nhà trường còn ít. [H2-5.3-03]; [H2-5.3-02].

Mức 2:

Nhà trường đã tổ chức cho học sinh tham quan hoạt động các ngành của khu công nghiệp Hiệp Phước giúp các em hiểu biết thêm về tình hình phát triển kinh tế của địa phương. Tổ chức viếng Nhà truyền thống huyện Nhà Bè, thăm đồn Biên Phòng của huyện Nhà Bè,... giúp các em hiểu biết sâu sắc hơn về mảnh đất, con người, truyền thống đấu tranh và những di tích lịch sử văn hóa nổi tiếng của quê hương. Từ đó cổ vũ

các em, nâng cao ý thức, rèn đức, luyện tài xây dựng quê hương đất nước ngày càng giàu đẹp.

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện nội dung giáo dục địa phương lồng ghép trong các tiết giảng dạy đảm bảo theo phân phối chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo, chương trình địa phương theo tài liệu của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Các hình thức tổ chức giảng dạy đa dạng gắn với thực tiễn tạo hứng thú cho học sinh.

3. Điểm yếu

Số lượng học sinh tham gia tham quan thực tiễn theo kế hoạch về chương trình giáo dục địa phương của nhà trường còn ít.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Phó hiệu trưởng, các tổ chuyên môn tiếp tục xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện giảng dạy chương trình giáo dục địa phương đầy đủ cho học sinh ở các khối lớp trong những năm học sau.

Trong năm học 2019-2020, kế hoạch giảng dạy giáo dục địa phương cần tập trung nội dung chỉ đạo các tổ chuyên môn, giáo viên bộ môn kết hợp việc dạy học trên lớp với hướng dẫn học sinh tổ chức tham quan thực tế, sưu tầm tư liệu, ngoại khóa nhằm tạo hứng thú học tập, nâng cao hiểu biết về văn hóa, lịch sử, địa lí và các hoạt động kinh tế - xã hội của địa phương để vừa làm phong phú nội dung học, vừa hình thành ở học sinh phương pháp tìm hiểu văn học, lịch sử, địa lí địa phương.

Phó hiệu trưởng, giáo viên bộ môn tiếp tục thường xuyên rà soát, kiểm tra, đánh giá, cập nhật tài liệu phù hợp với địa phương và kiến nghị với Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nhà Bè ban hành tài liệu chung của huyện về nội dung giáo dục địa phương cho năm học 2019-2020.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp

Mức 1:

a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;

b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;

c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Mức 2:

a) Tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp với học sinh và đạt kết quả thiết thực;

b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Tất cả các môn học đều xây dựng kế hoạch thực hiện tiết hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp có thể thực hiện học kỳ 1 hoặc học kỳ 2 tùy theo đặc thù của bộ môn [H2-2.2-04].

b) Nhà trường tổ chức thực hiện hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch cụ thể của từng bộ môn:

Nhà trường đã tổ chức cho học sinh tham gia trải nghiệm các môn học tại trường: tiết học tại thư viện, vẽ tranh ngoài trời, học sinh tự chế biến các món ăn, Câu lạc bộ Robot, thuyết trình về địa phương và tham gia nói chuyện với người nước ngoài, thực hành đo đặc tính toán diện tích sân chơi của trường. Ngoài ra nhà trường còn tiến hành tổ chức tiết học ngoài nhà trường: học Tiếng Anh tại công viên 23/9, tham quan hoạt động các ngành của khu công nghiệp Hiệp Phước, tổ chức viếng Nhà truyền thống huyện Nhà Bè, thăm đồn Biên Phòng của huyện, học tập tiết học ngoài nhà trường tại Nhà truyền thống huyện tại xã Hiệp Phước, trải nghiệm môn Sinh tại Thảo Cầm Viên, học tập tại khu di tích lịch sử Rạch Gầm - Xoài Mút, tham gia hội thi Robot, trải nghiệm tại khu công nghệ cao Củ Chi... Tuy nhiên, hoạt động trải nghiệm ngoài nhà trường của một số bộ môn chưa được học sinh tham gia đầy đủ.

Nhà trường tổ chức thực hiện hoạt động hướng nghiệp theo kế hoạch cụ thể cho học sinh khối, giáo viên chủ nhiệm lớp 9 đều dạy các tiết hướng nghiệp. Phối hợp với các Trường Cao đẳng, Trung cấp giáo dục hướng nghiệp như: Trung tâm dạy nghề Nhà Bè, Trường giao thông vận tải đường thủy II, Trường Cao đẳng kinh tế - kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh... để tư vấn hướng nghiệp các ngành nghề cho học sinh khối 9 phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương giúp các em định hướng được nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp Trung học cơ sở [H2-2.2-03]; [H2-5.4-01].

c) Hiệu trưởng nhà trường có phân công, huy động giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn, nhân viên tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với học sinh phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường [H1-1.7-04]; [H2-5.4-02]; [H2-1.5-02].

Mức 2:

a) Nhà trường đã tổ chức cho học sinh tham gia trải nghiệm các môn học tại trường: tiết học tại thư viện, vẽ tranh ngoài trời, học sinh tự chế biến các món ăn, Câu lạc bộ Robot, thuyết trình về địa phương và tham gia nói chuyện với người nước ngoài, thực hành đo đạc tính toán diện tích sân chơi của trường. Ngoài ra nhà trường còn tiến hành tổ chức tiết học ngoài nhà trường: học Tiếng Anh tại công viên 23/9, tham quan hoạt động các ngành của khu công nghiệp Hiệp Phước, tổ chức Viếng Nhà truyền thống huyện Nhà Bè, thăm đồn Biên Phòng của huyện, học tập tiết học ngoài nhà trường tại Nhà truyền thống huyện tại xã Hiệp Phước, vườn trồng dưa lưới Nhà Bè... Thông qua các hoạt động trải nghiệm thì học sinh: Có tinh thần học tập cao, được động viên khích lệ kịp thời, được tôn trọng và đánh giá thực chất khả năng học tập của mình. Các em học sinh vận dụng tốt kiến thức lý thuyết vào thực tiễn giúp các em hiểu rõ vấn đề, nội dung được học nên chất lượng các bài kiểm tra được nâng cao. Đối với cha mẹ học sinh thì có ý thức trách nhiệm và quan tâm đến việc học tập của con em mình ngày càng tốt hơn.

Hoạt động hướng nghiệp: Nhà trường phối hợp với các trường Cao Đẳng, Trung cấp nghề tư vấn nghề nghiệp cho học sinh, tổ chức cho các em tham quan các khu công nghiệp, các trường dạy nghề... Từ thực tế đó học sinh dễ dàng hiểu được yêu cầu của mỗi nghề nghiệp đồng thời kết hợp với thấu hiểu năng lực của bản thân để chủ động lựa chọn, đưa ra quyết định nghề nghiệp đúng đắn, giúp các em có định hướng, chọn lựa nghề nghiệp phù hợp cho tương lai. Hằng năm, nhà trường đều có tỷ lệ học sinh lớp 9 sang học các trường nghề đạt chỉ tiêu kế hoạch giáo dục đã đề ra [H2-5.4-02]; [H2-2.2-03].

b) Hằng năm, nhà trường đều tiến hành rà soát và đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, rút kinh nghiệm trong quá trình tiến hành [H2-5.4-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã tổ chức hoạt động giáo dục trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, của nhà trường.

Nhà trường đã phối hợp tốt với các trường Cao đẳng, Trung cấp đào tạo nghề tư vấn, định hướng nghề nghiệp giúp học sinh xác định được việc học tập chương trình phổ thông hoặc học nghề sau khi tốt nghiệp Trung học cơ sở.

3. Điểm yếu

Hoạt động trải nghiệm ngoài nhà trường của một số bộ môn chưa được học sinh tham gia đầy đủ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo giáo viên thực hiện tốt công tác hoạt động trải nghiệm để các em được tham gia vào hoạt động trải nghiệm thực tế. Huy động nguồn tài trợ, xã hội hóa giáo dục để tạo đủ nguồn kinh phí tổ chức hoạt động trải nghiệm ngoài nhà trường cho học sinh được tham gia nhiều hơn theo từng đợt phù hợp với từng bộ môn từ năm học 2019 - 2020.

Giáo viên chủ nhiệm tuyên truyền, phân tích vai trò quan trọng cũng như những giá trị, ý nghĩa của các hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp đến phụ huynh học sinh trong phiên họp cha mẹ học sinh đầu năm học, từ đó cha mẹ các em có sự chủ động hỗ trợ, phối hợp tốt với nhà trường để tạo điều kiện khuyến khích các em tham gia đầy đủ hơn.

Trong mỗi năm học, bộ phận phụ trách hướng nghiệp của trường tiếp tục phối hợp tốt với trường Cao đẳng, Trung cấp tổ chức các hoạt động hướng nghiệp, giáo dục nghề cho học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh

Mức 1:

- a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;
- b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;
- c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mức 2:

- a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

Mức 3:

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng tiếp thu, nhận thức học tập của học sinh, phù hợp với điều kiện của nhà trường và địa phương xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè thông qua kế hoạch năm học [H1-1.7-07]; [H2-5.5-01].

b) Việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trong nhà trường, ngoài việc lồng ghép vào các môn học hằng ngày, hoạt động ngoài giờ lên lớp là một trong những con đường giáo dục có hiệu quả trong việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh. Ngoài ra, nhà trường còn tổ chức các buổi tuyên truyền pháp luật dưới sân cờ để trang bị những kiến thức pháp luật có liên quan đến đời sống, học tập của học sinh góp phần nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật cho học sinh; mời báo cáo viên tuyên truyền luật giao thông cho học sinh để từ đó giáo dục ý thức chấp hành luật giao thông, cách tự phòng tránh tai nạn giao thông. Đặc biệt các em đã hưởng ứng tốt việc chấp hành luật giao thông và tham gia thi An toàn giao thông đạt kết quả cao. Nhà trường tổ chức dạy bơi, tuyên truyền phòng chống thiên tai rủi ro cho học sinh để giúp các em phòng chống đuối nước và các tai nạn thương tích khác; mời báo cáo viên tuyên truyền, tập huấn về phòng cháy chữa cháy thoát nạn khi xảy ra cháy nhằm nâng cao sự hiểu biết, ý thức, kỹ năng phòng cháy và chữa cháy, thoát nạn cho học sinh... [H2-5.5-01]; [H2-5.5-02]; [H2-5.5-03]; [H2-1.7-03]; [H2-5.5-04].

c) Xây dựng và hoàn thiện các quy tắc ứng xử văn hóa trong nhà trường, bằng nhiều hình thức khác nhau, nhà trường thường xuyên tổ chức "Kể chuyện về Bác Hồ" vào các buổi sinh hoạt đầu tuần; tổ chức cho các em đi tham quan các di tích lịch sử ở địa phương, tham gia các hoạt động dọn vệ sinh bảo vệ môi trường, tổ chức các hoạt động quyên góp ủng hộ bạn nghèo, bạn bị bệnh nặng... Đồng thời xây dựng tinh thần chia sẻ, ý thức trách nhiệm cho các em. Việc chú trọng giáo dục kỹ năng sống của nhà trường thông qua hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, dạy kỹ năng sống theo các chủ

đề khác nhau đã giúp học sinh hình thành và phát triển tinh thần đoàn kết, gắn bó, quan tâm giúp đỡ lẫn nhau trong học tập, học sinh nỗ lực tiếp thu bài giảng và tìm tòi những kiến thức liên quan đến bài học để liên hệ áp dụng vào thực tiễn, qua đó phát huy tình cảm thái độ ứng xử của học sinh phù hợp với những truyền thống văn hóa Việt Nam. Tuy nhiên, một số học sinh chưa có nhạy bén thích ứng, hòa nhập tốt trong giao tiếp xã hội [H2-5.5-05]; [H2-5.5-04].

Mức 2:

a) Thông qua các hoạt động giáo dục kỹ năng sống học sinh sẽ tự hình thành kỹ năng tự kiểm tra đánh giá: xác định được mục tiêu, nội dung bài học; xác định các nội dung liên quan trong các tài liệu tham khảo, tái hiện những kiến thức liên quan đã được nghe giảng; xây dựng dàn ý bài học; làm bài tập theo yêu cầu; dự kiến các câu hỏi và trả lời; trình bày trước nhóm (lớp), trao đổi thảo luận với bạn bè; kiểm tra, điều chỉnh, bổ sung những nội dung chưa phù hợp [H2-5.5-05]; [H2-1.5-04].

b) Học sinh biết cách giao tiếp ứng xử biết điều chỉnh, quản lý cảm xúc trong môi trường học đường, với bố mẹ, người lớn tuổi; có thể tự phục vụ bản thân trong cuộc sống, biết quản lý thời gian học tập và sinh hoạt có hiệu quả [H2-5.5-05]; [H2-1.5-02].

Mức 3:

Thông qua các hoạt động giáo dục kỹ năng sống một số học sinh bước đầu có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát. Tuy nhiên tỷ lệ học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ còn ít [H2-1.4-14]; [H2-2.2-07].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có cơ sở vật chất và điều kiện để dạy kỹ năng sống thực hiện đầy đủ và có hiệu quả các nội dung giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống thông qua các môn học trên lớp, trong các hoạt động ngoại khóa và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp theo chủ điểm hằng tháng của Bộ Giáo dục và Đào tạo và kế hoạch của nhà trường.

Học sinh được giáo dục về kỹ năng sống thông qua học tập trong các chương trình chính khóa và rèn luyện trong các hoạt động xã hội theo kế hoạch của nhà trường.

Các năm học, nhà trường đạt giải nghiên cứu khoa học cấp thành phố.

3. Điểm yếu

Số học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ của trường còn ít.

Một số học sinh chưa có nhạy bén thích ứng, hòa nhập tốt trong giao tiếp xã hội.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Cán bộ quản lý, giáo viên phối kết hợp tốt với hội cha mẹ học sinh và các tổ chức xã hội đoàn thể trong và ngoài nhà trường để giáo dục học sinh tốt hơn về kỹ năng sống phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa Việt Nam.

Năm học 2019 - 2020, tổ Lý – Hóa - Sinh xây dựng và báo cáo chuyên đề hướng dẫn nghiên cứu khoa học, công nghệ để giáo viên học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau.

Hiệu trưởng sử dụng kinh phí hoạt động từ nguồn kinh phí thường xuyên, xã hội hóa để hỗ trợ giáo viên và học sinh thực hiện các đề tài nghiên cứu.

Trong mỗi năm học, hiệu trưởng thực hiện tốt công tác tuyên truyền, nêu gương, khen thưởng nhằm tạo động lực cho giáo viên và học sinh tham gia nghiên cứu khoa học.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí: 5.6: Kết quả giáo dục

Mức 1:

- a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;
- b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;
- c) Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

Mức 2:

- a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;
- b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

Mức 3:

- a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:

Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vào vùng khó khăn: Đạt ít nhất 5% đối với Trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), Trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên;

Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vào vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên;

Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vào vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với Trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với Trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên;

Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vào vùng còn lại Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên;

Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vào vùng khó khăn: không quá 10% đối với Trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và Trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vào vùng còn lại: không quá 05% đối với Trường Trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và Trường Trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

Đối với trường có lớp tiểu học: tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình Tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp Tiểu học;

Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với Trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), Trường trung học phổ thông (hoặc cấp Trung học cơ sở), Trường trung học phổ thông (hoặc cấp Trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên.

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:

Vùng khó khăn: không quá 3% học sinh bỏ học, không quá 5% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học;

Các vùng còn lại: không quá 1% học sinh bỏ học, không quá 2% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Liên tục 05 năm học qua, nhà trường có chất lượng giáo dục học sinh về học lực, hạnh kiểm đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường [H2-1.5-04]; [H2-1.5-02]; [H2-1.4-15].

b) Hằng năm, học sinh khối 9 đều đạt tốt nghiệp Trung học cơ sở 100%, tỷ lệ lên lớp thẳng từ 98% trở lên đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường [H2-1.4-14]; [H4-5.6-01], cụ thể:

Năm học	Học lực				Hạnh kiểm			
	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu - kém	Tốt	Khá	Trung bình	Yếu
2013-2014	28,3	46,7	24,03	0,97	87,0	11,6	1,4	0
2014-2015	23,8	47,0	28,54	0,71	86,0	13,2	0,8	0
2015-2016	31,97	47,21	20,71	0,1	90,13	9,66	0,21	0
2016-2017	40,98	43,95	14,65	0,42	93,84	6,05	0,11	0
2017-2018	45,05	42,86	12	0,1	87,81	9,61	2,57	0

c) Hằng năm, nhà trường đều phân công giáo viên có khả năng định hướng nghề nghiệp, phân luồng nghề nghiệp sau trung học cơ sở. Giáo viên chủ nhiệm lớp 9 đều dạy các tiết hướng nghiệp, phối hợp với các trường nghề tổ chức các buổi tuyên truyền, phân tích, định hướng cho học sinh và phụ huynh chọn lựa đúng hướng đi cho học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở theo học nghề tại các trường Cao đẳng, Trung cấp nghề, Trung tâm dạy nghề trên 15% đạt được kế hoạch của nhà trường [H2-2.2-03]; [H2-2.2-06]. Cụ thể:

Tỷ lệ phân luồng qua nghề của trường qua các năm như sau:

Năm 2013 - 2014: 24/162 (14,8%)

Năm 2014 - 2015: 41/174 (23,6%)

Năm 2015 - 2016: 36/214 (16,8%)

Năm 2016 - 2017: 53/192 (27,6%)

Năm 2017 - 2018: 74/263 (28,1%)

Mức 2:

a) Trong 05 năm, nhà trường đạt kết quả giáo dục về học lực của học sinh có chuyển biến tích cực nhưng tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình còn cao [H2-1.4-14]; [H2-1.5-04]; [H2-1.4-15].

b) Trong 05 năm, nhà trường đạt tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực [H2-1.4-14]; [H2-1.5-04]; [H2-1.4-15].

Mức 3:

a) Nhà trường thực hiện những biện pháp tích cực, cùng với sự phối hợp chặt chẽ của cha mẹ học sinh, đặc biệt là sự phân đầu, tu dưỡng, rèn luyện của học sinh. Vì thế, hằng năm, nhà trường có tỷ lệ xếp loại học lực của học sinh toàn trường đạt loại giỏi trên 20%, loại khá trên 40%, loại yếu kém dưới 2% [H2-1.4-14]; [H2-1.5-04]; [H2-1.4-15].

b) Hằng năm, nhà trường có tỷ lệ học sinh lưu ban dưới 2%; tỷ lệ bỏ học dưới 1% [H2-1.4-14]; [H2-1.5-04], cụ thể như sau:

Năm học	Tỷ lệ lưu ban	Tỷ lệ bỏ học
2013 - 2014	0,97	0,3
2014 - 2015	0,71	0,7
2015 - 2016	0,1	0,6
2016 - 2017	0,42	0,6
2017 - 2018	0,1	0,1

2. Điểm mạnh

Hằng năm hiệu quả hoạt động giáo dục của nhà trường đối với tỷ lệ học sinh lên lớp, tốt nghiệp Trung học cơ sở luôn đạt cao. Nhà trường có tỷ lệ học sinh bỏ học ngày càng giảm đáp ứng được mục tiêu giáo dục.

3. Điểm yếu

Nhà trường có tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình còn cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ tháng 8/2018, hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm, bộ môn tăng cường công tác phối kết hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội để giáo dục những học sinh chưa đáp ứng tốt về hạnh kiểm.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Kết luận về tiêu chuẩn 5:

Điểm mạnh nổi bật: Nhà trường đã thực hiện tốt việc xây dựng kế hoạch giáo dục và triển khai tổ chức thực hiện đầy đủ các hoạt động giáo dục toàn diện cho học sinh như giáo dục kỹ năng sống, hướng nghiệp, ngoại khóa, trải nghiệm, giáo dục địa phương... Chất lượng giáo dục ngày càng nâng cao, tỉ lệ lưu ban bỏ học giảm, tốt nghiệp trung học cơ sở luôn đạt 100%; tỉ lệ phân luồng hướng nghiệp nghề đạt trên 20%.

Điểm yếu cơ bản: Số lượng học sinh giỏi khối 9 cấp thành phố của các bộ môn không đồng đều và số lượng còn ít, chưa ổn định qua các năm. Nhà trường có tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình còn cao.

Ở tiêu chuẩn 5, Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước đạt kết quả như sau:

Số tiêu chí đạt Mức 1: 6/6 tiêu chí

Số tiêu chí đạt Mức 2: 6/6 tiêu chí

Số tiêu chí đạt Mức 3: 5/6 tiêu chí

Tự đánh giá chung tiêu chuẩn 5: đạt Mức 2

II. KẾT LUẬN CHUNG

Quá trình tự đánh giá của Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước được thực hiện một cách nghiêm túc, khách quan, được đầu tư công sức, trí tuệ của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường mà tiêu biểu là các thành viên trong Hội đồng tự đánh giá. Báo cáo tự đánh giá của nhà trường được hoàn thành là thành quả của sự đồng lòng hợp sức của cán bộ, giáo viên, nhân viên cùng quyết tâm vượt khó khăn hoàn thành nhiệm vụ tự đánh giá chất lượng giáo dục.

Đối chiếu với kết quả về hoạt động giáo dục mà nhà trường đã đạt được trong những năm qua, trong quá trình tự đánh giá, nhà trường đã đạt được những kết quả cụ thể như sau:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt Mức 1: 28/28 (100%)
- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt Mức 2: 28/28 (100%).
- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt Mức 3: 19/28 (67,9%).
- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí không đạt Mức 3: 9/28 (32,1%).
- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4: Không có

Căn cứ thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục đạt Mức 2.

Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 và đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1.

Trên đây là báo cáo tự đánh giá của Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước tính đến thời điểm tháng 02 năm 2019.

Nhà Bè, ngày 01 tháng 3 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Hoàng Dung

Phần III. PHỤ LỤC

Bảng danh mục mã minh chứng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
Tiêu chí 1.1	1	H1-1.1-01	Chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường 2012-2017	15/03/2012	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phòng Hiệu trưởng
	2	H4-1.1-02	Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã Hiệp Phước 2015-2020	Số: 01-NQ/ĐU ngày 15 tháng 03 năm 2015	Đảng ủy xã Hiệp Phước	Phòng Hành chính
	3	H4-1.1-03	Nghị quyết Đại hội Chi bộ nhiệm kỳ 2015-2017 và nhiệm kỳ 2017-2020	Năm 2014 Năm 2015 Năm 2016 Năm 2017 Năm 2018	Chi bộ Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phòng Hành chính
	4	H1-1.1-04	Văn bản phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường do Phòng giáo dục phê duyệt năm 2012-2017	02/01/2013	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phòng Hiệu trưởng
	5	H4-1.1 -05	Đường dẫn truy cập vào cổng thông tin điện tử của Cổng thông tin của nhà trường	www.thcsbiepphuoc.hcm.edu.vn	Sở giáo dục và đào tạo Thành Phố Hồ Chí Minh	Phòng Hành chính
	6	H4-1.1-06	Kế hoạch kiểm tra giám sát	Số: 76/KH- HP ngày 15 tháng 9 năm 2012 Số: 82/KH- HP ngày 18 tháng 9 năm 2015	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phòng Hành chính

	7	H4-1.1-07	Biên bản kiểm tra giám sát năm học	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phòng Hành chính
	8	H4-1.1-08	Báo cáo kiểm tra giám sát	Số: 68/BC- HP ngày 20 tháng 5 năm 2015 Số: 65/BC- HP ngày 20 tháng 5 năm 2017	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phòng Hành chính
	9	H1-1.1-09	Biên bản họp hội đồng trường.	Năm 2014 Năm 2015 Năm 2016 Năm 2017 Năm 2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Hiệu trưởng
	10	H1-1.1-10	Nghị quyết của hội đồng trường	Số: 64/NQ-HĐT-THCS HP ngày 21 tháng 05 năm 2015 Số: 96/NQ-HĐT-THCS HP ngày 28 tháng 07 năm 2015 Số: 94/NQ-HĐT-THCS HP ngày 14 tháng 11 năm 2016 Số: 79/NQ-HĐT-THCS HP ngày 24 tháng 05 năm 2017	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Hiệu trưởng
Tiêu chí 1.2	1	H1-1.2-01	Quyết định thành lập hội	Số: 792/QĐ-GDDT ngày	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Hiệu trưởng

			đồng trường	25 tháng 10 năm 2013	huyện Nhà Bè	
	2	H4-1.2-02	Quyết định thành lập Hội đồng thi đua, khen thưởng	Số 91/QĐ-HP ngày 04 tháng 9 năm 2013 Số: 93/QĐ-HP ngày 06 tháng 9 năm 2014 Số: 95/QĐ-HP ngày 07 tháng 9 năm 2015 Số: 94/QĐ-HP ngày 14 tháng 9 năm 2016 Số: 101/QĐ-HP ngày 26 tháng 10 năm 2017	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phòng Hành chính
	3	H4-1.2-03	Quyết định thành lập Hội đồng Tuyển sinh	Số 409/QĐ-PGDĐT ngày 17 tháng 06 năm 2013 Số 413/QĐ-PGDĐT ngày 17 tháng 06 năm 2014 Số 335/QĐ-PGDĐT ngày 01 tháng 06 năm 2015 Số 351/QĐ-PGDĐT ngày 09 tháng 06 năm 2016 Số 392/QĐ-PGDĐT ngày 05 tháng 06 năm 2017		Phòng Hành chính
	4	H4-1.2-04	Quyết định công nhận xét tốt nghiệp Trung học cơ sở	Số 369a/QĐ-PGDĐT ngày 10 tháng 6 năm 2014 Số 352/QĐ-PGDĐT ngày 04 tháng 6 năm 2015 Số 330/QĐ-PGDĐT ngày 01 tháng 6 năm 2016 Số 341/QĐ-PGDĐT ngày	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nhà Bè	Phòng Hành chính

				19 tháng 5 năm 2017 Số 395/QĐ-PGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2018		
	5	H5-1.2-05	Quyết định thành lập Hội đồng xét sáng kiến kinh nghiệm	Số: 152/QĐ-PGDĐT ngày 10 tháng 03 năm 2014 Số: 072/QĐ-PGDĐT ngày 01 tháng 02 năm 2016 Số: 46/QĐ-THP ngày 10 tháng 02 năm 2017 Số: 20/QĐ-HP ngày 26 tháng 02 năm 2018	Phòng giáo dục và đào tạo huyện Nhà Bè Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Đoàn Đội
	6	H4-1.2-06	Quyết định thành lập Hội đồng xét giáo viên giỏi	124/QĐ-HP ngày 26 tháng 11 năm 2014 83/QĐ-HP ngày 20 tháng 10 năm 2016 101/QĐ-HP ngày 25 tháng 10 năm 2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phòng Hành chính
	7	H5-1.2-07	Hồ sơ thi đua	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước Công đoàn Giáo dục huyện Nhà Bè Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Đoàn Đội

	8	H4-1.2-08	Hồ sơ khen thưởng	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phòng Hành chính
	9	H4-1.2-09	Hồ sơ xử lý học sinh vi phạm	Năm học 2017-2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phòng Hành chính
	10	H5-1.2-10	Báo cáo sơ kết, tổng kết phong trào thi đua	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Đoàn Đội
Tiêu chí 1.3	1	H5-1.3-01	Quyết định chuẩn y ban chấp hành	Số: 016/QĐ-CDGD ngày 10 tháng 09 năm 2012 Số: 85/QĐ-CDGD ngày 12 tháng 09 năm 2017 Số: 77/QĐ-LĐLĐ ngày 25 tháng 09 năm 2018	Liên đoàn lao động huyện Nhà Bè	Đoàn Đội
	2	H5-1.3-02	Hồ sơ Đoàn thanh niên	Nhiệm kì 2013-2014 Nhiệm kì 2014-2016 Nhiệm kì 2017-2019	Ban chấp hành Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Đoàn Đội

	3	H5-1.3-03	Kế hoạch hoạt động của tổ chức đoàn thể (Đoàn, Đội)	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Ban chấp hành Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Đoàn Đội
	4	H5-1.3-04	Hồ sơ liên đội	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Liên đội Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Đoàn Đội
	5	H5-1.3-05	Hồ sơ Công Đoàn	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Công đoàn Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Đoàn Đội
	6	H5-1.3-06	Quyết định thành lập chuẩn y, công nhận Ban chấp hành, chi ủy, bí thư, phó bí thư	Số: 147/QĐ-ĐU ngày 14 tháng 01 năm 2012 Số: 067/QĐ-ĐU ngày 04 tháng 09 năm 2012 Số: 63/QĐ-ĐU ngày 06 tháng 06 năm 2017	Đảng ủy xã Hiệp Phước	Đoàn Đội
	7	H5-1.3-07	Báo cáo nhiệm vụ chính trị	Năm 2014 Năm 2015 Năm 2016 Năm 2017 Năm 2018	Chi bộ Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Đoàn Đội
	8	H5-1.3-08	Sổ họp chi bộ	Năm 2014 Năm 2015	Chi bộ Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Đoàn Đội

				Năm 2016 Năm 2017 Năm 2018		
	9	H5-1.3-09	Kết quả xếp loại chi bộ	Năm 2014 Năm 2015 Năm 2016 Năm 2017 Năm 2018	Chi bộ Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Đoàn Đội
	10	H5-1.3-10	Báo cáo tổng kết của Đảng ủy	Năm 2014 Năm 2015 Năm 2016 Năm 2017 Năm 2018	Đảng ủy xã Hiệp Phước	Đoàn Đội
	11	H1-1.3-11	Sổ nghị quyết của nhà trường	Năm 2014 Năm 2015 Năm 2016 Năm 2017 Năm 2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Hiệu trưởng
Tiêu chí 1.4	1	H1-1.4-01	Quyết định bổ nhiệm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	Số: 531/QĐ-GDDT ngày 09 tháng 08 năm 2017 Số: 464/QĐ-GDDT ngày 24 tháng 07 năm 2015	Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè	Hiệu trưởng
	2	H4-1.4 -02	Văn bản đề nghị tổ trưởng bộ môn, tổ Văn phòng	Số: 35 ĐN-HP ngày 16 tháng 09 năm 2013 Số: 63/ĐN-HP ngày 25 tháng 08 năm 2014 Số: 84/ĐN-HP ngày 24 tháng 09 năm 2015	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phòng Hành chính

				Số: 76/ĐN-TrHP ngày 05 tháng 09 năm 2016 Số: 53/ĐN-HP ngày 01 tháng 09 năm 2017		
	3	H2-1.4-03	Kế hoạch hoạt động của tổ chuyên môn	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phó Hiệu trưởng
	4	H2-1.4-04	Sổ họp tổ	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phó Hiệu trưởng
	5	H6-1.4-05	Biên bản kiểm kê thiết bị	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Thư viện- Thiết bị
	6	H3-1.4-06	Tài sản, tài chính	Số: 35/BBKK- HP ngày 30 tháng 06 năm 2017 Số: 48/BBKK- HP ngày 31 tháng 12 năm 2017	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phòng tài chính
	7	H2-1.4-07	Biên bản đánh giá, nhận xét chuyên đề	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phòng Phó Hiệu trưởng
	8	H2-1.4-08	Hình ảnh hoạt động tổ bộ	Năm học 2013-2014	Trường Trung học cơ sở	Phòng Phó

			môn	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Hiệp Phước	Hiệu trưởng
	9	H2-1.4-09	Báo cáo sơ kết, tổng kết bộ môn	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phòng Phó Hiệu trưởng
	10	H2-1.4-10	Kế hoạch hoạt động của tổ văn phòng	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phòng Phó Hiệu trưởng
	11	H2-1.4-11	Kết quả học sinh tham gia các hội thi	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phòng Phó Hiệu trưởng
	12	H7-1.4-12	Giấy khen tập thể nhà trường	Số: 5169 ngày 21 tháng 09 năm 2013 Số: 4022 ngày 18 tháng 08 năm 2014 Số: 4623 ngày 16 tháng 09 năm 2015 Ngày 19 tháng 07 năm 2016 Ngày 10 tháng 08 năm 2017	Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè	Phòng truyền thống

	13	H2-1.4-13	Các chuyên đề chuyên môn	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phó Hiệu trưởng
	14	H2-1.4-14	Báo cáo sơ kết, tổng kết của trường	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phó Hiệu trưởng
	15	H2-1.4-15	Bảng tổng hợp học lực hạnh kiểm	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phó Hiệu trưởng
Tiêu chí 1.5	1	H4-1.5-01	Sổ đăng bộ	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phòng Hành chính
	2	H2-1.5-02	Sổ chủ nhiệm	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phó Hiệu trưởng
	3	H2-1.5-03	Biên bản họp bầu lớp trưởng, lớp phó, tổ trưởng	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phó Hiệu trưởng

				Năm học 2017-2018		
	4	H2-1.5-04	Sổ gọi tên ghi điểm	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phó Hiệu trưởng
Tiêu chí 1.6	1	H4-1.6-01	Sổ công văn đi, đến	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phòng Hành chính
	2	H3-1.6-02	Sổ quản lý tài sản	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Tài chính
	3	H6-1.6-03	Thiết bị giáo dục	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Thư viện- Thiết bị
	4	H3-1.6-04	Biên bản kiểm tra tài chính cấp trên	Số: 59/TB-TCKH ngày 02 tháng 06 năm 2014 Số: 37/TB-TCKH ngày 18 tháng 05 năm 2015 Số: 39/TB-TCKH ngày 26 tháng 04 năm 2017 Số: 74/TB-TCKH ngày 22 tháng 05 năm 2018	Phòng tài chính	Tài chính

	5	H3-1.6-05	Quy chế chi tiêu nội bộ	Số: 06/QĐ-HP ngày 27 tháng 10 năm 2012 Số: 10/QĐ-HP ngày 14 tháng 01 năm 2014 Số: 02/QĐ-HP ngày 02 tháng 01 năm 2015 Số: 95/QĐ-HP ngày 21 tháng 01 năm 2016 Số: 300/QĐ-HP ngày 30 tháng 10 năm 2017	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Tài chính
	6	H3-1.6-06	Báo cáo quyết toán	Năm 2013 Năm 2014 Năm 2015 Năm 2016 Năm 2017	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Tài chính
	7	H3-1.6-07	Biên bản đề xuất mua sắm, sửa chữa	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Tài chính
	8	H4-1.6-08	Phần mềm Epmis	Năm học 2017-2018	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phòng Hành chính
	9	H3-1.6-09	Phần mềm Imas	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Bộ tài chính	Tài chính
	10	H3-1.6-10	Sổ quản lý tài chính	Năm 2013	Trường Trung học cơ sở	Tài chính

				Năm 2014 Năm 2015 Năm 2016 Năm 2017	Hiệp Phước	
	11	H3-1.6-11	Tờ trình của nhà trường về tài chính, cơ sở vật chất	Số: 126/TT-HP ngày 05 tháng 12 năm 2016 Số: 117/TT-HP ngày 13 tháng 12 năm 2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Tài chính
Tiêu chí 1.7	1	H1-1.7-01	Kế hoạch bồi dưỡng phát triển đội ngũ	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Hiệu trưởng
	2	H1-1.7-02	Hồ sơ kiểm tra đánh giá giáo viên và nhân viên	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Hiệu trưởng
	3	H2-1.7-03	Kế hoạch giáo dục của nhà trường	Số: 82/KH-HP ngày 12 tháng 09 năm 2013 Số: 93/KH-HP ngày 18 tháng 09 năm 2014 Số: 85/KH-HP ngày 27 tháng 09 năm 2015 Số: 96/KH-HP ngày 25 tháng 09 năm 2016 Số: 113/KH-HP ngày 14 tháng 09 năm 2017	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phó Hiệu trưởng
	4	H1-1.7-04	Bảng phân công nhiệm vụ của cán bộ quản lý, giáo	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Hiệu trưởng

			viên, nhân viên	Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018		
	5	H3-1.7-05	Bảng nhận chế độ lương và các chế độ phụ cấp khác của giáo viên hằng năm	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Tài chính
	6	H5-1.7-06	Hồ sơ hội nghị cán bộ, công viên chức hằng năm	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Đoàn đội
	7	H1-1.7-07	Kế hoạch hoạt động năm học của nhà trường	Số: 076/KH-HP ngày 126 tháng 09 năm 2013 Số: 98/KH-HP ngày 16 tháng 09 năm 2014 Số: 102/KH-HP ngày 10 tháng 09 năm 2015 Số: 93/KH-THP ngày 10 tháng 10 năm 2016 Số: 71/KH-HP ngày 28 tháng 09 năm 2017	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Hiệu trưởng

Tiêu chí 1.8	1	H2-1.8-01	Kế hoạch bộ môn	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phó Hiệu trưởng
	2	H2-1.8-02	Kế hoạch cá nhân	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phó Hiệu trưởng
	3	H2-1.8-03	Thời khóa biểu	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phó Hiệu trưởng
	4	H2-1.8-04	Kế hoạch điều chỉnh chương trình	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phó Hiệu trưởng
	5	H2-1.8-05	Sổ ghi đầu bài	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phó Hiệu trưởng

	6	H2-1.8-06	Biên bản kiểm tra của cấp có thẩm quyền có nội dung liên quan (của phòng giáo dục)	Năm học 2017-2018	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phó Hiệu trưởng
Tiêu chí 1.9	1	H1-1.9-01	Hồ sơ tiếp công dân	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Hiệu trưởng
	2	H1-1.9-02	Biên bản kiểm tra giám sát của Ban thanh tra nhân dân	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Hiệu trưởng
Tiêu chí 1.10	1	H4-1.10-01	Văn bản tham mưu phối hợp với cơ quan	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phòng Hành chính
	2	H8-1.10-02	Kế hoạch an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng chống tai nạn thương tích	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Y tế
	3	H8-1.10-03	Giấy công nhận danh hiệu “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”; Giấy chứng nhận đạt chuẩn “An toàn về an ninh trật tự”	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Y tế

	4	H4-1.10-04	Hình ảnh hộp thư góp ý, số điện thoại	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phòng Hành chính
	5	H8-1.10-05	Các tư liệu tuyên truyền về chủ đề bình đẳng giới, phòng chống về bạo lực xâm hại	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Y tế
	6	H8-1.10-06	Các hình ảnh tuyên truyền	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Y tế
Tiêu chí 2.1	1	H1-2.1-01	Hồ sơ cá nhân Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng	Năm học 2017-2018		Phòng hiệu trưởng
	2	H1-2.1-02	Hồ sơ đánh giá chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.	Tháng 5 năm 2014 Tháng 5 năm 2015 Tháng 5 năm 2016 Tháng 5 năm 2017 Tháng 5 năm 2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phòng hiệu trưởng
	3	H1-2.1-03	Biên bản bỏ phiếu tín nhiệm, nhận xét cán bộ quản lý hằng năm	Tháng 5 năm 2014 Tháng 5 năm 2015 Tháng 5 năm 2016 Tháng 5 năm 2017 Tháng 5 năm 2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phòng hiệu trưởng
Tiêu chí 2.2	1	H4-2.2-01	Bảng thống kê tình hình đội ngũ	Tháng 9 năm 2013 Tháng 9 năm 2014	Văn thư	Phòng hành chính

				Tháng 9 năm 2015 Tháng 9 năm 2016 Tháng 9 năm 2017		
	2	H1-2.2-02	Hồ sơ đánh giá chuẩn nghề nghiệp của giáo viên, nhân viên	Tháng 5 năm 2014 Tháng 5 năm 2015 Tháng 5 năm 2016 Tháng 5 năm 2017 Tháng 5 năm 2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phòng hiệu trưởng
	3	H2-2.2-03	Hình ảnh học sinh tham gia hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phòng phó hiệu trưởng
	4	H2-2.2-04	Kế hoạch hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.	Số: 89/KH-HP ngày 16 tháng 9 năm 2014 Số: 96/KH-HP ngày 21 tháng 9 năm 2014 Số: 74/KH-HP ngày 19 tháng 9 năm 2015 Số: 81/KH-HP ngày 21 tháng 9 năm 2016 Số: 112/KH-HP ngày 18 tháng 9 năm 2016 Số: 121/KH-HP ngày 22 tháng 9 năm 2017 Số: 102/KH-HP ngày 6 tháng 9 năm 2017	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phòng phó hiệu trưởng
	5	H2-2.2-05	Danh sách học sinh đi thăm quan các trường nghề.	Tháng 3, tháng 4 năm 2014	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phòng phó hiệu trưởng

				Tháng 3, tháng 4 năm 2015 Tháng 3, tháng 4 năm 2016 Tháng 3, tháng 4 năm 2017 Tháng 3, tháng 4 năm 2018		
	6	H2-2.2-06	Kết quả phân luồng qua nghề.	Tháng 4 năm 2014 Tháng 4 năm 2015 Tháng 4 năm 2016 Tháng 4 năm 2017 Tháng 4 năm 2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phòng phó hiệu trưởng
	7	H2-2.2-07	Hình ảnh học sinh nghiên cứu khoa học.	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phòng phó hiệu trưởng
	8	H4-2.2-08	Quyết định hướng dẫn và khen thưởng học sinh nghiên cứu khoa học	Số: 44/QĐ-HP ngày 23 tháng 05 năm 2014 Số: 85/QĐ-HP ngày 25 tháng 05 năm 2017	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phòng hành chính
Tiêu chí 2.3	1	H1-2.3-01	Hồ sơ cá nhân của nhân viên, giáo viên.	Năm 2017-2018	Giáo viên, nhân viên	Phòng hiệu trưởng
	2	H5-2.3-02	Kết quả đánh giá xếp loại các bộ phận y tế, thư viện, thiết bị của cấp trên	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phòng đoàn đội

	3	H4-2.3-03	Văn bản triệu tập nhân viên tham dự các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Trường Bồi dưỡng giáo dục	Phòng hành chính
	4	H4-2.3-04	Chứng chỉ đã qua các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ	Số: 55/ QĐ- CDKT ngày 30 tháng 01 năm 2018	Trường Cao đẳng kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	Phòng hành chính
Tiêu chí 2.4	1	H5-2.4-01	Hình ảnh học sinh tập thể dục, tham gia các hoạt động của trường lớp, làm vệ sinh trường lớp và nơi công cộng....	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phòng đoàn đội
	2	H1-2.4-02	Hồ sơ đối thoại với học sinh	Tháng 1 năm 2014 Tháng 1 năm 2015 Tháng 1 năm 2016 Tháng 1 năm 2017 Tháng 1 năm 2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phòng hiệu trưởng
	3	H5-2.4-03	Hồ sơ hoạt động của phòng tư vấn tâm lý học sinh	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phòng đoàn đội
	4	H5-2.4-04	Hình ảnh học sinh sử dụng các thiết bị, tham gia thể dục thể thao, tham gia các hoạt động học tập.	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phòng đoàn đội

	5	H2-2.4-05	Kế hoạch hoạt động các câu lạc bộ.	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phòng phó hiệu trưởng
	6	H1-2.4-06	Biên bản xử lý học sinh vi phạm.	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phòng hiệu trưởng
	7	H4-2.4-07	Hồ sơ khen thưởng học sinh.	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phòng hành chính
Tiêu chí 3.1	1	H1-3.1-01	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Số CT51755 ngày 14/12/2015	Sở Tài nguyên – Môi trường Thành Phố	Phòng Hiệu trưởng
	2	H1-3.1-02	Hồ sơ thiết kế xây dựng	Số 1474 ngày 7/12/2005	Phòng Tài nguyên – Môi trường huyện Nhà Bè	Phòng Hiệu trưởng
	3	H3-3.1-03	Các hình ảnh liên quan	Năm 2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phòng Kế toán
Tiêu chí 3.2	1	H3-3.2-01	Sổ theo dõi công cụ, dụng cụ	Năm 2013 Năm 2014 Năm 2015 Năm 2016 Năm 2017	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phòng Kế toán
	4	H6-3.2-02	Danh mục đồ dùng dạy học tối thiểu	Năm 2013 Năm 2014 Năm 2015	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phòng Thư Viện

				Năm 2016 Năm 2017		
Tiêu chí 3.3	1	H3-3.3-01	Sơ đồ tổng thể	Năm 2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phòng Kế toán
	2	H3-3.3-02	Hóa đơn mua sắm sửa chữa	Năm 2013 Năm 2014 Năm 2015 Năm 2016 Năm 2017	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phòng Kế toán
Tiêu chí 3.4	3	H8-3.4-01	Biên bản kiểm tra của cơ quan y tế về nước sạch	Số 009876/2013 ngày 16/6/2013 Số 280814-39909/2014 ngày 15/5/2014 Số 003436/2015 ngày 17/6/2015 Số 017156/2016 ngày 13/6/2016 Số 120717-6698 ngày 11/6/2017	Bộ y tế Viện Pasteur Bộ y tế Bộ y tế Bộ Y tế	Phòng Y tế
	2	H3-3.4-02	Hợp đồng thu gom rác và vận chuyển	Năm 2013 Năm 2014 Năm 2015 Năm 2016 Năm 2017	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phòng Kế toán
	3	H4-3.4-03	Hợp đồng cung cấp nước uống	Số 03/HĐKT/2013-2014; Số 17/HĐKT/2014-2015; Số 21/HĐKT/2015-2016; Số 15HĐKT/2016-2017 Số	Công ty trách nhiệm hữu hạn Phát Lộc	Phòng Y tế

				0109/THCSHP/HĐCC/2017		
	4	H3-3.4-04	Hóa đơn tiền nước hàng tháng	Năm 2013 Năm 2014 Năm 2015 Năm 2016 Năm 2017	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phòng Kế toán
Tiêu chí 3.5	1	H3-3.5-01	Hóa đơn mua, sửa chữa các thiết bị giáo dục	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phòng Kế toán
	3	H3-3.5-02	Hợp đồng thanh toán tiền internet hàng tháng của nhà trường	Năm 2013 Năm 2014 Năm 2015 Năm 2016 Năm 2017	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phòng Kế toán
	4	H6-3.5-03	Thông kê danh mục thiết bị dạy học do giáo viên tự làm	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Giáo viên	Phòng Thư viện
	5	H2-3.5-04	Sổ dự giờ	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phòng Phó Hiệu trưởng
Tiêu chí 3.6	1	H6-3.6-01	Sổ quản lý thư viện	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phòng Thư viện – Thiết

				Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018		bị
	2	H6-3.6-02	Biên bản kiểm kê thư viện	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phòng Thư viện – Thiết bị
	3	H6-3.6-03	Phiếu đề xuất mua, sửa chữa	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phòng Thư viện – Thiết bị
	4	H6-3.6-04	Biên bản đánh giá Thư viện trường học đạt chuẩn	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phòng Thư viện – Thiết bị
	5	H6-3.6-05	Báo cáo sơ kết, tổng kết thư viện	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phòng Thư viện – Thiết bị
Tiêu chí 4.1	1	H1-4.1-01	Hồ sơ Ban đại diện cha mẹ học sinh	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phòng hiệu trưởng
	2	H1-4.1-02	Hồ sơ họp cha mẹ học sinh	Năm học 2013-2014	Trường Trung học cơ sở	Phòng hiệu

			các lớp	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Hiệp Phước	trưởng
	3	H4-4.1-03	Báo cáo quỹ tài chính của quỹ cha mẹ học sinh.	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Ban Đại diện cha mẹ học sinh Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phòng hành chính
	4	H4-4.1-04	Biên bản vận động học sinh ra lớp	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Giáo viên Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phòng hành chính
	5	H4-4.1-05	Hình ảnh hoạt động cha mẹ học sinh.	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phòng hành chính
	6	H4-4.1-06	Biên bản họp giữa Ban đại diện cha mẹ học sinh và nhà trường	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Ban Đại diện cha mẹ học sinh và ban giám hiệu Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phòng hành chính
	7	H4-4.1-07	Danh sách các tổ chức, cá nhân hỗ trợ tài chính, cơ sở vật chất...	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phòng hành chính

Tiêu chí 4.2	1	H4-4.2-01	Báo cáo học sinh nghỉ bỏ học	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phòng hành chính
	2	H4-1.10-01	Văn bản tham mưu phối hợp với cơ quan.	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phòng Hành chính
	3	H4-4.2-02	Danh sách học sinh khó khăn nhận quà	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phòng hành chính
	4	H4-4.2-03	Danh sách học sinh nhận học bổng của xã	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phòng hành chính
	5	H4-4.2-04	Tờ trình cơ sở vật chất	Năm 2017-2018 Số 079/ĐN-HP	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phòng hành chính
	6	H4-4.2-05	Các hình ảnh, tư liệu về các hoạt động lễ hội, sự kiện,... của địa phương được tổ chức tại nhà trường;	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phòng hành chính
	7	H4-4.2-06	Sổ công tác Đội.	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015	Liên đội Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phòng hành chính

				Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018		
Tiêu chí 5.1	1	H2-5.1-01	Trang Web trường học kết nối	http://truonghocketnoi.edu.vn Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Phòng Phó Hiệu trưởng
	2	H2-5.1-02	Biên bản họp giao ban tổ trưởng chuyên môn	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phòng Phó Hiệu trưởng
	3	H2-5.1-03	Kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu, gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phòng Phó Hiệu trưởng
Tiêu chí 5.3	1	H2-5.3-01	Kế hoạch giáo dục địa phương	Số 82/KH-HP ngày 12 tháng 09 năm 2013 Số 96/KH-HP ngày 12 tháng 09 năm 2014 Số 72/KH-HP ngày 10 tháng 09 năm 2015 Số 97/KH-HP ngày 08 tháng 09 năm 2016 Số 93/KH-HP ngày 13	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phòng Phó Hiệu trưởng

				tháng 09 năm 2017		
	2	H2-5.3-02	Giáo án, tài liệu giáo dục địa phương	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phòng Phó Hiệu trưởng
	3	H2-5.3-03	Báo cáo sơ kết, tổng kết địa phương	Số 63/BC-HP ngày 20 tháng 05 năm 2014 Số 60/BC-HP ngày 21 tháng 05 năm 2015 Số 49/BC-HP ngày 18 tháng 05 năm 2016 Số 51/BC-HP ngày 25 tháng 05 năm 2017 Số 64/BC-HP ngày 23 tháng 05 năm 2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phòng Phó Hiệu trưởng
Tiêu chí 5.4	1	H2-5.4-01	Giáo án hướng nghiệp	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phòng Phó Hiệu trưởng
	2	H2-5.4-02	Báo cáo sơ kết, tổng kết trải nghiệm, hướng nghiệp	Số 123/BC-HP ngày 27 tháng 12 năm 2013 Số 130/BC-HP ngày 25 tháng 12 năm 2014 Số 136/BC-HP ngày 24 tháng 12 năm 2015 Số 125/BC-HP ngày 02 tháng 01 năm 2017	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phòng Phó Hiệu trưởng

				Số 124/BC-HP ngày 29 tháng 12 năm 2017 Số 91/BC-HP ngày 20 tháng 05 năm 2014 Số 95/BC-HP ngày 21 tháng 05 năm 2015 Số 83/BC-HP ngày 18 tháng 05 năm 2016 Số 86/BC-HP ngày 25 tháng 05 năm 2017 Số 95/BC-HP ngày 23 tháng 05 năm 2018		
Tiêu chí 5.5	1	H2-5.5-01	Kế hoạch kỹ năng sống	Số 87/KH-HP ngày 30 tháng 09 năm 2013 Số 102/KH-HP ngày 02 tháng 09 năm 2014 Số 98/KH-HP ngày 26 tháng 08 năm 2015 Số 48/KH-HP ngày 29 tháng 08 năm 2016 Số 118/KH-HP ngày 20 tháng 09 năm 2017	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phòng Phó Hiệu trưởng
	2	H2-5.5-02	Kế hoạch tuyên truyền	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phòng Phó Hiệu trưởng
	3	H2-5.5-03	Kế hoạch ngoài giờ lên lớp	Số 79/KH-HP ngày 03 tháng 09 năm 2013	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phòng Phó Hiệu trưởng

				Số 84/KH-HP ngày 08 tháng 09 năm 2014 Số 94/KH-HP ngày 10 tháng 09 năm 2015 Số 98/KH-HP ngày 07 tháng 09 năm 2016 Số 119/KH-HP ngày 10 tháng 09 năm 2017		
	4	H2-5.5-04	Các hình ảnh tuyên truyền kỹ năng sống	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phòng Phó Hiệu trưởng
	5	H2-5.5-05	Báo các hoạt động kỹ năng sống	Số 65/BC-HP ngày 15 tháng 05 năm 2014 Số 71/BC-HP ngày 20 tháng 05 năm 2015 Số 78/BC-HP ngày 18 tháng 05 năm 2016 Số 62/BC-HP ngày 21 tháng 05 năm 2017 Số 75/BC-HP ngày 17 tháng 05 năm 2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phòng Phó Hiệu trưởng
Tiêu chí 5.6	1	H4-5.6-01	Kết quả xét tốt nghiệp	Năm học 2013-2014 Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Phòng Hành chính

